

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN HOÀI VŨ

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP  
THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**  
**Mã số: 60.38.01.07**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. HỒ NGỌC HIỀN**

**HÀ NỘI, 2017**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Học viện khoa học xã hội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Học viện khoa học xã hội xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

**NGƯỜI CAM ĐOAN**

**TRẦN HOÀI VŨ**

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                 |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>                                                                                                                        | <b>1</b>  |
| <b>CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐẠI DIỆN .....</b>                                                                                          | <b>6</b>  |
| 1.1. Tổng quan về đại diện.....                                                                                                                 | 6         |
| 1.2. Các hình thức đại diện.....                                                                                                                | 9         |
| 1.3. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện.....                                                                                                  | 17        |
| 1.4. Trách nhiệm của đại diện đối với bên thứ ba.....                                                                                           | 20        |
| <b>CHƯƠNG 2 CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 VỀ<br/>NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG</b>                             | <b>25</b> |
| 2.1. Các loại người đại diện của doanh nghiệp .....                                                                                             | 25        |
| 2.2. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện của doanh nghiệp theo Luật doanh<br>nghiệp năm 2014 .....                                             | 46        |
| 2.3. Xử lý các trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp<br>vắng mặt ở Việt Nam hoặc không có khả năng thực hiện nhiệm vụ ..... | 51        |
| 2.4. Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về người đại diện của doanh<br>nghiệp theo Luật doanh nghiệp 2014 .....                           | 53        |
| <b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ TĂNG CƯỜNG<br/>HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA<br/>DOANH NGHIỆP .....</b>         | <b>60</b> |
| 3.1. Quan điểm hoàn thiện pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp .....                                                                    | 60        |
| 3.2. Quan điểm của các nước phát triển về bảo vệ quyền lợi bên thứ ba trong<br>giao dịch dân sự.....                                            | 61        |
| 3.3. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật người đại diện của doanh nghiệp .....                                                                   | 64        |
| 3.4. Một số giải pháp tăng cường hiệu quả thực hiện pháp luật về người đại<br>diện của doanh nghiệp.....                                        | 66        |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>                                                                                                                           | <b>69</b> |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>                                                                                                         | <b>71</b> |

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

|      |                     |
|------|---------------------|
| BLDS | Bộ luật dân sự      |
| LDN  | Luật doanh nghiệp   |
| TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| CP   | Cổ phần             |
| DN   | Doanh nghiệp        |
| UBND | Ủy ban nhân dân     |

## **MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập với thế giới, quá trình này đã đặt ra những yêu cầu cũng như sự thay đổi của Việt Nam trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội. Việc tham gia vào tổ chức thương mại quốc tế WTO cũng như các tổ chức kinh tế trong khu vực và thế giới khác đã đặt ra các vấn đề pháp lý đòi hỏi sự hoàn thiện pháp luật nước nhà. Pháp luật nói chung và pháp luật kinh doanh nói riêng được chú trọng cho sự thay đổi trên phù hợp với quá trình hội nhập của Việt Nam. Trong nền kinh tế Việt Nam, doanh nghiệp có vị trí đặc biệt quan trọng, là bộ phận chủ yếu tạo ra tổng sản phẩm trong nước, có tính quyết định trong việc giữ vững nhịp độ tăng trưởng kinh tế ổn định. Do doanh nghiệp là một tổ chức, không phải là con người cụ thể nên doanh nghiệp đó cần có người đại diện cho ý chí của mình, thay mặt mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp.

Luật doanh nghiệp 2005 ra đời đã có những điều khoản về người đại diện của doanh nghiệp tuy nhiên lại không quy định chung lại mà nằm rải rác trong các điều khoản quy định về các loại hình doanh nghiệp, đồng thời cũng không có quy định cụ thể về khái niệm, quan điểm, quyền hạn của người đại diện đã tạo ra sự nhận thức không giống nhau về vấn đề này. Quan điểm cũ mới khác nhau về người đại diện cần thiết phải có cách hiểu thống nhất đặc biệt trong giai đoạn hội nhập hiện nay của Việt Nam. Trong quá trình biên soạn Luật doanh nghiệp năm 2014, các nhà làm luật đã đánh giá tầm quan trọng của người đại diện của doanh nghiệp là cần phải được luật quy định rõ ràng. Luật doanh nghiệp năm 2014 do Quốc hội nước ta chính thức thông qua vào ngày 26/11/2014 và bắt đầu có hiệu lực kể từ 01/07/2015 dựa trên sự sửa đổi, bổ sung các quy định và có rất nhiều những điểm mới tiến bộ so với Luật

doanh nghiệp năm 2005, một trong những điểm nổi bật là việc Luật doanh nghiệp 2014 đã có các điều khoản riêng quy định về người đại diện của doanh nghiệp, giải quyết được một số vấn đề bất cập xảy ra trong thực tế liên quan đến người đại diện, tuy nhiên luận văn cũng phát hiện ra một số hạn chế, vướng mắc và đưa ra một số biện pháp kiến nghị nhằm tháo gỡ các vướng mắc đó.

Xuất phát từ yêu cầu trên, tác giả đã lựa chọn đề tài “Người đại diện của doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp năm 2014” làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Luật doanh nghiệp 2014 là một đề tài mới và khá nóng hổi hiện nay bởi khi có sự thay đổi lớn các quy định của pháp luật thì quá trình tiếp nhận sẽ tạo nên các luồng ý kiến đa dạng, phong phú. Ở mỗi một góc độ khác nhau cách thức nghiên cứu, đánh giá về Luật doanh nghiệp 2014 cũng là không giống nhau. Vấn đề người đại diện của doanh nghiệp trong Luật doanh nghiệp đã có một số tác giả nghiên cứu trên phương diện những bài báo mà chưa có nghiên cứu nào mang tính quy mô như luận án tiến sĩ hay luận văn thạc sĩ. Cụ thể:

- Bài viết của TS Vũ Thị Lan Anh: “Quy định mới của luật doanh nghiệp năm 2014 về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp”, Tạp chí Luật học, Số 4/2016. Bài viết phân tích những quy định mới của Luật doanh nghiệp năm 2014 về chế định người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, chỉ ra những điểm cần lưu ý trong việc áp dụng trên thực tế những quy định mới của Luật doanh nghiệp năm 2014 về vấn đề này đối với các doanh nghiệp ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

- Bài viết của TS Bùi Đức Giang: “Hành lang pháp lý mới về người đại diện theo pháp luật của luật doanh nghiệp 2014”, Tạp chí Nhà nước và Pháp

luật, Số 6/2015. Bài viết tập trung phân tích các quy định mới của Luật doanh nghiệp năm 2014 về chế định người đại diện theo pháp luật, đặc biệt về việc chỉ định, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cũng như trách nhiệm dân sự của chức danh này.

- Bài viết của tác giả Ngô Gia Hoàng – Nguyễn Thị Hương “ Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo luật doanh nghiệp năm 2014 dưới góc độ quyền tự do kinh doanh”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 7/2016. Bài viết cũng làm rõ về các vấn đề khái quát về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, nêu những điểm mới trong quy định về người đại diện theo pháp luật trong Luật doanh nghiệp 2014 đồng thời phân tích những vướng mắc khi áp dụng các quy định về người đại diện theo pháp luật của Luật doanh nghiệp năm 2014

Các tác giả trong bài viết của mình có đề cập đến vấn đề người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nhưng chưa đề cập đến vấn đề người đại diện của doanh nghiệp nói chung cũng như những vấn đề về người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp, nghiên cứu về những vấn đề này còn đang hạn chế.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp, đánh giá về thực trạng áp dụng pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở mục đích nghiên cứu nói trên, Luận văn có các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận chung của pháp luật về đại diện và người đại diện của doanh nghiệp;

- Nghiên cứu, phân tích, đánh giá nội dung thực trạng của pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp. Chỉ ra những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng Luật doanh nghiệp 2014 về pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp;

- Đưa ra những kiến nghị hoàn thiện và tăng cường thực hiện pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp. Phân tích, đánh giá khái quát các quy định của pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp và thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật. Luận văn phân tích, đánh giá về pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp 2014.

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp luận: Luận văn vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu trong đó chủ yếu là phương pháp chủ nghĩa duy vật biện chứng, hệ thống các quan điểm, học thuyết và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở vận dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn như: phương pháp phân tích, thống kê, so sánh, tổng hợp...

Phương pháp phân tích được sử dụng để làm rõ những khái niệm pháp luật về đại diện, pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp.

Phương pháp thống kê, so sánh được sử dụng để so sánh thực tế pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp ở trong nước và quốc tế; thực trạng thực hiện pháp luật người đại diện của doanh nghiệp ở Việt Nam.

Trên cơ sở đó, phương pháp tổng hợp được sử dụng để rút ra những kết luận và định ra được các giải pháp hoàn thiện pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay,

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

- Về lý luận: luận văn góp phần làm rõ thêm khái niệm, đặc điểm, nội dung, ý nghĩa, điểm mới của pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp và cơ sở thực thi pháp luật. Phân tích, đánh giá một cách khách quan, theo sát thực tế của các quy định pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp. Bên cạnh đó cũng đưa ra phương hướng, giải pháp áp dụng đối với pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp dựa trên quan điểm cá nhân và đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước.

- Về thực tiễn: từ những phân tích, đánh giá thực trạng luận văn đề xuất những kiến nghị, giải pháp nhằm sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hơn những quy định của pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, phần chính của luận văn có 03 chương với những nội dung cơ bản gồm:

*Chương 1:* Những vấn đề lý luận về đại diện

*Chương 2:* Các quy định của Luật doanh nghiệp 2014 về người đại diện của doanh nghiệp và thực tiễn áp dụng

*Chương 3:* Một số giải pháp hoàn thiện và tăng cường hiệu quả thực hiện pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp

## CHƯƠNG 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐẠI DIỆN

#### 1.1. Tổng quan về đại diện

##### 1.1.1. Khái niệm đại diện

Trong đời sống, để thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần, các chủ thể thường tự mình xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự. Tuy nhiên, đôi khi, vì nhiều lý do, các chủ thể không thể tự tham gia giao dịch mà phải cần đến sự giúp đỡ của chủ thể khác thông qua hình thức đại diện. Các chủ thể trong quan hệ pháp luật đại diện cũng cần tới cơ sở pháp lý của chế định này để xác lập quan hệ đại diện hợp pháp và qua đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự với ý thức pháp luật cao hơn. Chế định về đại diện cũng là phần luôn được các nhà làm luật hết sức quan tâm, vì vậy mà BLDS năm 2005 và BLDS năm 2015 đều dành một chương riêng quy định về đại diện trong quan hệ pháp luật dân sự. Phát triển từ những quy định về đại diện trong BLDS năm 2005, BLDS năm 2015 được ký vào ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đã có một số sửa đổi, bổ sung quy định về đại diện nhằm tạo điều kiện pháp lý tốt hơn trong việc trợ giúp cá nhân, pháp nhân thực hiện, bảo vệ các quyền dân sự của mình và hạn chế rủi ro pháp lý trong các quan hệ dân sự. Theo đó đại diện được hiểu là: “ *việc cá nhân, pháp nhân (sau đây gọi chung là người đại diện) nhân danh và vì lợi ích của cá nhân hoặc pháp nhân khác (sau đây gọi chung là người được đại diện) xác lập, thực hiện giao dịch dân sự*” (Khoản 1 Điều 134 BLDS 2015).

Như vậy, đại diện là một quan hệ pháp luật dân sự bao gồm hai bên chủ thể là bên đại diện và bên được đại diện. Quan hệ đại diện này làm phát sinh một quan hệ nữa là quan hệ giữa người đại diện với người thứ ba, theo ý chí và vì lợi ích của người được đại diện. So với BLDS năm 2005 (*Đại diện là*

*việc một người (sau đây gọi là người đại diện) nhân danh và vì lợi ích của người khác (sau đây gọi là người được đại diện) xác lập, thực hiện giao dịch dân sự trong phạm vi đại diện.)* thì BLDS 2015 nhấn mạnh cụ thể các đối tượng được điều chỉnh. Cụ thể, người đại diện theo BLDS 2015 bao gồm cá nhân và bổ sung thêm phần pháp nhân, cụ thể thì pháp nhân có thể là người đại diện theo ủy quyền của các chủ thể khác. Đồng thời người được đại diện nay chỉ còn là cá nhân và pháp nhân, bỏ đi “chủ thể khác”, “chủ thể khác” trong BLDS năm 2005 bao gồm hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác. Quy định này đã tạo sự linh hoạt hơn cho bên đại diện và bên được đại diện khi muốn xác lập, thực hiện giao dịch dân sự.

Tuy nhiên, khoản 3 Điều 134 BLDS năm 2015 cũng yêu cầu cá nhân không được để người khác đại diện cho mình nếu pháp luật quy định họ phải tự mình xác lập thực hiện giao dịch đó. Các công việc liên quan tới yêu tố nhân thân thì pháp luật yêu cầu cá nhân phải tự mình xác lập nhằm đảm bảo tính xác thực tối đa thông tin của mỗi cá nhân. Ví dụ: pháp luật không công nhận việc một cá nhân ủy quyền cho người khác thay mình làm thủ tục ly hôn, kết hôn, hay lập di chúc, làm chứng minh thư nhân dân ....

### **1.1.2. Đặc điểm của quan hệ đại diện**

Từ khái niệm trên ta rút ra được một số đặc điểm của quan hệ đại diện như sau:

***- Các chủ thể tham gia trực tiếp vào quan hệ đại diện là cá nhân và pháp nhân.***

Cá nhân, pháp nhân có thể người đại diện hoặc là người được đại diện trong mỗi quan hệ đại diện. Pháp nhân, theo Điều 74 BLDS năm 2015 yêu cầu là một tổ chức có đầy đủ các điều kiện sau: (i) Được thành lập theo quy định của BLDS năm 2015 và các luật khác có liên quan; (ii) Phải có cơ quan

điều hành, tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan điều hành của pháp nhân được quy định trong điều lệ của pháp nhân hoặc trong quyết định thành lập pháp nhân; (iii) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; (iv) Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

***- Đại diện làm phát sinh hai mối quan hệ cùng tồn tại song song là quan hệ bên trong và quan hệ bên ngoài.***

Quan hệ bên trong là quan hệ được hình thành giữa người đại diện và người được đại diện. Quan hệ này có thể được hình thành từ hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật. Ví dụ: theo quy định tại Điều 21 BLDS năm 2015 thì mọi giao dịch dân sự của người chưa đủ sáu tuổi đều phải do người đại diện theo pháp luật của người đó xác lập, thực hiện. Điều này có nghĩa là quan hệ giữa người đại diện và người được đại diện trong trường hợp này được xác lập theo pháp luật chứ không phải theo hợp đồng. Quan hệ bên ngoài là quan hệ giữa người đại diện với người thứ ba. Quan hệ bên trong là tiền đề là cơ sở cho sự xuất hiện và tồn tại của quan hệ bên ngoài. Quan hệ bên ngoài thực hiện bởi quan hệ bên trong.

***- Trong quan hệ đại diện, người đại diện nhân danh người được đại diện để xác lập và thực hiện giao dịch dân sự với người thứ ba.***

Người đại diện xác lập quan hệ với người thứ ba là nhân danh người được đại diện chứ không phải nhân danh bản thân họ, vì vậy các quyền và nghĩa vụ do người đại diện thực hiện trong phạm vi thẩm quyền đại diện với người thứ ba đều thuộc về người được đại diện. Người đại diện có thể được hưởng những lợi ích nhất định từ người được đại diện do thực hiện hành vi đại diện với người thứ ba, chứ không được hưởng bất kỳ lợi ích gì từ người thứ ba.

Trong giao dịch do người đại diện nhân danh người được đại diện xác lập thực hiện phát sinh với người thứ ba chứ không phải người được đại diện là người trực tiếp xác lập và thực hiện giao dịch dân sự với người thứ ba, trong trường hợp người đại diện hoạt động với danh nghĩa riêng thì không có quan hệ đại diện.

***- Trong quan hệ đại diện, người được đại diện trực tiếp thu nhận các kết quả pháp lý do hoạt động của người đại diện thực hiện trong phạm vi thẩm quyền đại diện mang lại.***

Theo Điều 87 BLDS năm 2015 quy định “Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân”. Như vậy, các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch dân sự do người đại diện xác lập thực hiện với người thứ ba đều thuộc về người được đại diện, điều này có nghĩa là quan hệ pháp luật dân sự phát sinh giữa người được đại diện và người thứ ba, chứ không phải giữa người trực tiếp hành xác lập giao dịch dân sự - người đại diện với người thứ ba.

## **1.2. Các hình thức đại diện**

Đại diện được chia thành hai loại là đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền. Mỗi hình thức đều có những đặc điểm riêng phù hợp với tính chất của các mối quan hệ.

### **1.2.1. Đại diện theo pháp luật**

Điều 135 BLDS năm 2015 quy định “đại diện theo pháp luật là đại diện được xác lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, theo điều lệ hoặc theo quy định của pháp luật”.

Tại BLDS năm 2015 đã có sự đổi mới hơn BLDS năm 2005 khi quy định riêng biệt phần đại diện theo pháp luật của cá nhân và phần đại diện theo pháp luật của pháp nhân.

***- Đại diện theo pháp luật của cá nhân***

Được quy định tại Điều 136 BLDS năm 2015, người được đại diện trong quan hệ đại diện theo pháp luật của cá nhân phải là người không có khả năng trực tiếp tham gia vào một số hoặc toàn bộ giao dịch dân sự nên pháp luật quy định phải có những chủ thể có nghĩa vụ bảo vệ quyền lợi cho họ trong việc xác lập thực hiện các giao dịch dân sự đó. Đó là người chưa thành niên, người không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Pháp luật quy định năng lực hành vi dân sự của cá nhân là “khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự”.

Theo Điều 21 BLDS năm 2015 quy định “*Người chưa thành niên là người chưa đủ mười tám tuổi*”. Người thành niên là người chưa có đủ năng lực hành vi dân sự, tùy thuộc vào ở mức tuổi nhất định dưới mười tám tuổi mà người chưa thành niên có thể tham gia vào một số giao dịch dân sự nhất định.

Theo Điều 22 BLDS năm 2015 quy định “*Người mất năng lực hành vi dân sự là một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần*”. Giao dịch dân sự của người mất năng lực hành vi dân sự phải do người đại diện theo pháp luật xác lập, thực hiện.

Theo Điều 23 BLDS năm 2015 quy định “*Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của người này, người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định người giám hộ, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ*”.

Theo Điều 24 BLDS năm 2015 quy định “*Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự là người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự*”. Tòa án quyết định người đại diện theo pháp luật của người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và phạm vi đại diện. Việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản của người bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ giao dịch nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày.

Người đại diện trong quan hệ đại diện này phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ đồng thời có mối quan hệ đặc biệt với người được đại diện: quan hệ huyết thống (ví dụ: cha, mẹ với con cái ... ), quan hệ pháp lý ( ví dụ: quan hệ giám hộ ... ).

Căn cứ để nhận biết các quan hệ đại diện theo pháp luật của cá nhân đang tồn tại là:

- Căn cứ vào giấy khai sinh của con chưa thành niên để biết ai là người đại diện theo pháp luật;

- Căn cứ vào xác nhận của UBND xã, phường nơi người giám hộ cư trú để biết ai là người đại diện theo pháp luật của người được giám hộ.;

- Căn cứ vào quyết định của tòa án khi tuyên bố một người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự để biết ai là người đại diện cho người này.

***- Đại diện theo pháp luật của pháp nhân***

Nếu người được đại diện là pháp nhân khi tham gia vào các giao dịch dân sự bắt buộc phải thông qua người đại diện. Tại khoản 4 Điều 141 BLDS 2005 quy định “người đứng đầu pháp nhân theo quy định của điều lệ pháp nhân hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân”. Tuy nhiên tại BLDS năm 2015 đã mở rộng phạm vi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân tại khoản 1 Điều 137 quy định người đại diện theo pháp luật của pháp nhân bao gồm: (i) Người được pháp nhân chỉ định theo điều lệ; (ii) Người có thẩm quyền đại diện theo quy định của pháp luật; (iii) Người do Tòa án chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Đồng thời BLDS năm 2015 đã cho phép một pháp nhân có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật và mỗi người đại diện có quyền đại diện cho pháp nhân theo một phạm vi đại diện cụ thể.

Trước hết, đại diện theo pháp luật của pháp nhân phải là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Thêm vào đó, việc cho phép một pháp nhân có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật đã tạo điều kiện cho pháp nhân đó nhiều quyền lợi hơn, bao gồm quyền tự chủ lựa chọn người đại diện theo pháp luật cũng như số lượng người đại diện theo pháp luật của pháp nhân. Việc có nhiều người đại diện theo pháp luật tạo điều kiện cho pháp nhân đa dạng hóa các giao dịch dân sự. Nếu là trước đây pháp nhân chỉ có một người đại diện theo pháp luật là người đứng đầu pháp nhân sẽ bị giới hạn việc ký kết hợp đồng giao dịch ở nhiều vùng miền khác nhau, mặc dù có thể ủy quyền cho

người khác thực hiện nhưng lại phát sinh thêm các thủ tục không đáng có. Việc có nhiều người đại diện theo pháp luật sẽ giúp pháp nhân mở rộng phạm vi hoạt động rộng khắp, giảm bớt thời gian chi phí đi lại khi tham gia các giao dịch dân sự. Ví dụ như pháp nhân X có nhiều khu vực hoạt động khác nhau A, B, C, trường hợp pháp nhân X chỉ có một người đại diện theo pháp luật và người đó đang ở khu vực A thì nếu có giao dịch dân sự ở khu vực B hay C thì người đại diện đó hoặc phải đi đến hoặc phải ủy quyền cho người khác, sẽ mất nhiều thời gian, chi phí cũng như các thủ tục liên quan hơn là việc pháp nhân X có nhiều người đại diện theo pháp luật. Khi đó pháp nhân X có thể cử mỗi khu vực một người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo pháp luật ở mỗi khu vực chỉ có phạm vi thẩm quyền trong khu vực đó. Điều này sẽ giúp cho các pháp nhân thực hiện giao dịch dân sự được thông suốt hơn, cũng không cần các thủ tục ủy quyền không cần thiết. Mặt khác việc có nhiều người đại diện theo pháp luật cũng yêu cầu các người đại diện đó có trách nhiệm hơn với phạm vi đại diện của họ.

Căn cứ để nhận biết các quan hệ đại diện theo pháp luật của pháp nhân đang tồn tại là: căn cứ vào đăng ký kinh doanh, điều lệ doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án để biết ai là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân.

Tóm lại, quan hệ đại diện theo pháp luật là quan hệ dân sự mang tính chất ổn định và bền vững dựa trên mối quan hệ giữa người đại diện và người được đại diện là mối quan hệ huyết thống hay mối quan hệ pháp lý. Việc BLDS năm 2015 quy định từng mục “Đại diện theo pháp luật của cá nhân” (Điều 136) và “Đại diện theo pháp luật của pháp nhân” (Điều 137) giúp cách tiếp cận pháp luật trở nên cụ thể, dễ hiểu hơn.

### ***1.2.2. Đại diện theo ủy quyền***

Phát triển từ quy định về đại diện theo ủy quyền trong BLDS 2005 “Đại diện theo ủy quyền là đại diện được xác lập theo sự ủy quyền giữa người đại diện và người được đại diện”, BLDS năm 2015 đã quy định cụ thể về các đối tượng thuộc người đại diện và người được đại diện trong quan hệ đại diện theo ủy quyền là cá nhân, pháp nhân. Cụ thể theo Khoản 1 Điều 138 BLDS năm 2015: Đại diện theo ủy quyền là việc “cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự”.

Đồng thời BLDS năm 2015 tại khoản 2 Điều 138 có thêm quy định mới cho phép các thành viên hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân có thể thỏa thuận cử cá nhân, pháp nhân khác đại diện theo ủy quyền xác lập, thực hiện GDDS liên quan tới tài sản chung của các thành viên hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác. Trước đây, theo BLDS năm 2005 thì đại diện của hộ gia đình tổ hợp tác chỉ là chủ hộ gia đình, tổ trưởng tổ hợp tác, những người khác đại diện cho hộ gia đình, tổ hợp tác tham gia quan hệ dân sự thì phải thông qua sự ủy quyền của chủ hộ gia đình, tổ trưởng tổ hợp tác. Tuy nhiên tại Chương VI BLDS năm 2015, pháp luật đã có quy định chung đối với hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác là không có tư cách pháp nhân đồng thời quy định các thành viên hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân là chủ thể tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự hoặc có thể thỏa thuận ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác đại diện thực hiện giao dịch dân sự liên quan tới tài sản chung của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác. Việc cử, thay đổi người đại diện phải được lập thành văn bản. Những người được các thành viên khác trong hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân ủy quyền khi tham gia giao dịch dân sự làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân khác đó. Tuy nhiên trường hợp thành viên của hộ

gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự không được các thành viên khác ủy quyền làm người đại diện thì thành viên đó là chủ thể của quan hệ dân sự do mình xác lập, thực hiện (Điều 101 BLDS năm 2015).

***\* Từ khái niệm trên ta có thể rút ra các đặc điểm của hình thức đại diện theo ủy quyền là:***

- Đại diện theo ủy quyền là hình thức đại diện tự nguyện, theo sự thỏa thuận giữa người đại diện và người được đại diện. Trên thực tế, việc đại diện theo ủy quyền diễn ra rất phổ biến, các bên có thể thỏa thuận cho nhau tiến hành giao dịch dưới nhiều hình thức, kể cả bằng miệng; tuy nhiên đối với các trường hợp pháp luật quy định việc ủy quyền phải được lập thành văn bản thì phải tuân theo hình thức đó mới có giá trị pháp lý.

- Ủy quyền là căn cứ làm phát sinh quan hệ giữa người đại diện và người được đại diện; đồng thời nó cũng là cơ sở để người ủy quyền tiếp nhận các kết quả pháp lý do hoạt động ủy quyền mang lại. Vì vậy khi ủy quyền phải xác định rõ phạm vi đại diện, thời hạn thời hiệu của việc phát sinh, chấm dứt ủy quyền, mức độ ủy quyền ... trong hợp đồng ủy quyền.

- Khác với đại diện theo pháp luật, hai bên chủ thể trong quan hệ đại diện theo ủy quyền đều phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 138 BLDS 2015 “ người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi có thể là người đại diện theo ủy quyền, trừ trường hợp pháp luật quy định giao dịch dân sự phải do người từ đủ mười tám tuổi trở lên xác lập, thực hiện”.

***\* Các chủ thể trong quan hệ đại diện theo ủy quyền:***

- Người đại diện theo ủy quyền có các loại:

+ Đại diện theo ủy quyền của cá nhân: đại diện theo ủy quyền của cá nhân có thể là cá nhân, ví dụ: A ủy quyền cho B đứng ra kí kết hợp đồng thuê nhà; đại diện theo ủy quyền của cá nhân cũng có thể là pháp nhân, ví dụ: A ủy quyền cho công ty luật X đứng ra kí kết hợp đồng thuê nhà.

+ Đại diện theo ủy quyền của pháp nhân: có thể là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân ủy quyền cho người khác xác lập thực hiện giao dịch dân sự. Hoặc được các thành viên trong pháp nhân ủy quyền. Ví dụ: A là tổng giám đốc của công ty Y, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của công ty này. A ủy quyền cho B là nhân viên công ty thay mình kí kết hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng với công ty Z. Trong trường hợp này B là người đại diện theo ủy quyền của công ty Y. Hoặc đại diện theo ủy quyền của pháp nhân là một pháp nhân khác. Ví dụ: một doanh nghiệp X phân phối hàng hóa ủy quyền cho doanh nghiệp Y thực hiện công việc như tiếp thị hay bán hàng cho mình. Trường hợp này doanh nghiệp Y chính là đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp X.

+ Đại diện theo ủy quyền của hộ gia đình và tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân: Thành viên của các tổ chức này có thể thỏa thuận cử cá nhân, pháp nhân khác đại diện theo ủy quyền xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản chung của các thành viên hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân.

- Người được ủy quyền phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ (trừ trường hợp người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi có thể có quyền là người đại diện theo ủy quyền trong một số trường hợp nhất định theo qui định tại Khoản 3 Điều 138 BLDS 2015 ).

Căn cứ pháp lý để nhận biết quan hệ ủy quyền là văn bản ủy quyền. Văn bản ủy quyền bao gồm hợp đồng ủy quyền và giấy ủy quyền có thể do pháp

luật quy định, nếu pháp luật không quy định các bên có thể tự thỏa thuận để lựa chọn hình thức công chứng, chứng thực cho hợp đồng ủy quyền của mình.

*Tóm lại*, ủy quyền là phương tiện pháp lý cần thiết tạo điều kiện cho cá nhân, pháp nhân, bằng nhiều hình thức khác nhau có thể tham gia vào giao dịch dân sự một cách thuận lợi nhất, đảm bảo thỏa mãn nhanh chóng các lợi ích mà chủ thể quan tâm.

### **1.3. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện**

Người đại diện thực hiện hành vi nhân danh người được đại diện, bởi vậy cần phải có một giới hạn nhất định cho hành vi đó. Giới hạn này chính là phạm vi thẩm quyền đại diện. Phạm vi thẩm quyền đại diện là giới hạn quyền và nghĩa vụ của người đại diện trong việc nhân danh người được đại diện xác lập và thực hiện giao dịch dân sự với người thứ ba.

*\* Tùy thuộc vào quan hệ đại diện là đại diện theo pháp luật hay đại diện theo ủy quyền, phạm vi thẩm quyền đại diện được xác định khác nhau:*

- *Đối với người đại diện theo pháp luật:* Khoản 1 Điều 141 BLDS năm 2015 quy định phạm vi đại diện theo “*Quyết định của cơ quan có thẩm quyền*”, “*Điều lệ của pháp nhân*”, tuy nhiên khoản 2 Điều 141 cũng quy định nếu không xác định được phạm vi đại diện theo khoản 1 thì “*người đại diện theo pháp luật có quyền xác lập, thực hiện mọi giao dịch dân sự vì lợi ích của người được đại diện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*”. Như vậy đối với trường hợp điều lệ quy định quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật thì họ thực hiện các giao dịch dân sự trong phạm vi đại diện cho phép còn trường hợp điều lệ ghi chung chung tên, chức vụ của những người đại diện theo pháp luật thì tất cả những người đại diện theo pháp luật đều có phạm vi thẩm quyền đại diện như nhau.

+ Thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật là thẩm quyền rộng, pháp luật cho họ quyền chủ động tối đa trong việc lựa chọn, xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự vì lợi ích của người được đại diện.

+ Đối với trường hợp đại diện cho người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, đại diện cho pháp nhân thì thẩm quyền của người đại diện bị giới hạn trong phạm vi hẹp hơn phụ thuộc vào nội dung điều lệ, quyết định của Tòa án hoặc do pháp luật quy định.

- *Đối với người đại diện theo ủy quyền* căn cứ vào “nội dung ủy quyền” (Khoản 1 Điều 141 BLDS 2015).

+ Thẩm quyền của người đại diện bị giới hạn bởi nội dung ghi trong văn bản ủy quyền.

+ Thẩm quyền đại diện theo ủy quyền phụ thuộc vào từng loại ủy quyền: Ủy quyền một lần, ủy quyền riêng biệt hay ủy quyền chung. Ủy quyền một lần chỉ cho phép đại diện thực hiện một công việc cụ thể và chấm dứt luôn (ví dụ: nhận giúp buro kiện, tiền lương, bán nhà, mua nhà ...). Ủy quyền riêng biệt quy định thẩm quyền đại diện trong một thời gian nhất định, đối với một loại hành vi nhất định (ví dụ: đại diện cho chủ sở hữu thu tiền thuê nhà trong một thời gian nhất định ...). Ủy quyền chung, thẩm quyền đại diện có hiệu lực đối với nhiều loại hành vi trong một thời gian nhất định.

Nếu được sự đồng ý của người được đại diện thì người đại diện có thể ủy quyền lại cho người khác. Nếu trong hợp đồng chỉ ghi cho phép người được ủy quyền có thể ủy quyền lại cho người khác nếu thấy cần thiết thì người được ủy quyền vẫn bị ràng buộc trách nhiệm ở vị trí trung gian. Nếu người ủy quyền đồng ý cho người được ủy quyền được ủy quyền lại cho một người cụ thể đã được người ủy quyền kiểm tra các yếu tố về nhân thân, khả năng tài chính, toàn bộ nội dung của quan hệ ủy quyền thì coi như một quan hệ chuyển

giao quyền và nghĩa vụ được xác lập. Theo đó, người được ủy quyền sẽ lại chịu trách nhiệm trực tiếp trước người ủy quyền và quan hệ của người được ủy quyền chấm dứt.

Người đại diện có quyền xác lập, thực hiện hành vi cần thiết để đạt được mục đích của việc đại diện. Người đại diện tuy nhân danh cho người được đại diện và thẩm quyền của họ bị giới hạn trong phạm vi đại diện theo thỏa thuận hay theo qui định của pháp luật nhưng họ vẫn có sự chủ động trong khi tiến hành các công việc cần thiết để đạt được mục đích là vì lợi ích của người được đại diện.

Đồng thời pháp luật cũng quy định một cá nhân, pháp nhân có thể đại diện cho nhiều cá nhân hoặc pháp nhân khác nhau nhưng không được nhân danh người được đại diện để xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với chính mình, ví dụ: A ủy quyền cho B bán xe máy của mình, nhưng B lại mua chính chiếc xe máy mà A ủy quyền cho mình bán. Ở đây không có đại diện vì không có người thứ ba tham gia vào giao dịch dân sự mua bán xe với A. Nếu để B mua xe này mà không có sự thỏa thuận, một mình B sẽ định đoạt, xâm phạm quyền lợi của A để thu lợi cho mình; hoặc với bên thứ ba mà mình cũng là người đại diện của người đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, ví dụ: A ủy quyền cho B cho thuê nhà mình, C ủy quyền cho B mượn nhà để ở, Trong trường hợp này B không thể đại diện cho cả A và C để giao kết hợp đồng mượn nhà ở được.

Người đại diện phải có nghĩa vụ thông báo cho bên giao dịch biết về phạm vi đại diện của mình để đảm bảo lợi ích chính đáng cho người thứ ba.

#### **1.4. Trách nhiệm của đại diện đối với bên thứ ba**

Giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện với người thứ ba trong phạm vi đại diện làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với người được đại diện.

Tuy nhiên, trong thực tế có trường hợp giao dịch dân sự được xác lập thực hiện không phải do người đại diện hoặc do người đại diện xác lập nhưng vượt quá phạm vi thẩm quyền đại diện, để xử lý tình huống này và đảm bảo lợi ích cho bên thứ ba, pháp luật đã quy định về hậu quả của giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập và hậu quả của giao dịch dân sự do người đại diện xác lập thực hiện vượt quá phạm vi quyền đại diện ( Điều 142 và Điều 143 BLDS 2015) như sau:

***\* Nếu giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập thực hiện:***

- Giao dịch này không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ cho người được đại diện. Tuy nhiên, nếu người được đại diện đã công nhận giao dịch đó, hoặc người được đại diện biết mà không phản đối trong thời gian hợp lý, hoặc người được đại diện có lỗi dẫn đến việc người đã giao dịch không biết hoặc không thể biết về việc người đã xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với mình không có quyền đại diện thì vẫn phát sinh quyền và nghĩa vụ cho người được đại diện. Ngoài những trường hợp người được đại diện đồng ý hoặc biết mà không phải đối thì BLDS năm 2015 còn quy định thêm trường hợp người được đại diện vì một lý do nào đó mặc dù vẫn biết người ko có thẩm quyền đại diện ký giao dịch dân sự nhân danh mình nhưng lại không thông báo cho bên thứ ba biết điều đó và để giao dịch dân sự được xác lập, luật quy định bên thứ ba chứng minh được lỗi thuộc về người được đại diện thì quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch dân sự đó vẫn thuộc về người được đại diện.

- Người đã giao dịch với người không có quyền đại diện phải thông báo cho người được đại diện hoặc người đại diện của người đó để trả lời trong thời hạn ấn định. Nếu hết thời hạn ấn định mà không trả lời thì giao dịch đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người được đại diện. Ví dụ: Cháu A mồ côi cả cha lẫn mẹ, có B làm giám hộ, nhưng C là người quen của B đứng ra bán chiếc xe đạp của cháu A (do bố mẹ cháu để lại) cho D lúc B đi vắng và gửi lại B tiền bán xe đạp. Sau một thời gian, D phát hiện ra C không có quyền bán chiếc xe đạp đó nên đã liên hệ với B để hỏi ý kiến B. Nếu B chấp nhận quan hệ bán xe đạp của C thì giao dịch đó vẫn có giá trị, còn nếu B không chấp nhận thì giao dịch đó không có giá trị đối với A.

- Trong trường hợp người được đại diện không chấp nhận giao dịch do người không có quyền đại diện xác lập thực hiện thì giao dịch đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với người được đại diện. Tuy nhiên giao dịch đó vẫn làm phát sinh quyền và nghĩa vụ với người không có quyền đại diện đối với người đã giao dịch, trừ trường hợp người đã giao dịch biết hoặc phải biết về việc không có quyền đại diện mà vẫn giao dịch.

+ Nếu người đã giao dịch với người không có quyền đại diện có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hoặc hủy bỏ giao dịch dân sự đã xác lập và yêu cầu bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp người đó biết hoặc phải biết về việc không có quyền đại diện mà vẫn giao dịch hoặc người được đại diện có lỗi dẫn đến người giao dịch không biết người xác lập giao dịch với mình không có quyền đại diện.

+ Trường hợp người không có quyền đại diện và người đã giao dịch cố ý xác lập, thực hiện giao dịch dân sự mà gây thiệt hại cho người được đại diện thì phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại.

***\* Nếu giao dịch dân sự do người đại diện xác lập vượt quá phạm vi đại diện:***

- Giao dịch này không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người được đại diện đối với phần giao dịch vượt quá phạm vi đại diện; trừ trường hợp người được đại diện đồng ý hoặc biết mà không phản đối, hoặc người được đại diện có lỗi dẫn đến việc người đã giao dịch không biết hoặc không thể biết về việc người đã xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với mình vượt quá phạm vi đại diện thì coi như giao dịch đó không vượt quá phạm vi thẩm quyền đại diện và vẫn có hiệu lực đối với người được đại diện; nếu không được sự đồng ý thì người đại diện phải thực hiện phần nghĩa vụ đối với người đã giao dịch với mình về phần giao dịch vượt quá phạm vi đại diện, tức là người đại diện phải tự chịu trách nhiệm về hành vi vượt quá thẩm quyền đó, trừ trường hợp người đã giao dịch biết hoặc phải biết về việc vượt quá phạm vi đại diện mà vẫn giao dịch.

- Tuy giao dịch dân sự do người đại diện xác lập thực hiện vượt quá phạm vi thẩm quyền đại diện không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người được đại diện nhưng giao dịch đó vẫn có giá trị pháp lý đối với người đã xác lập thực hiện giao dịch nếu người đó không biết hoặc không thể biết về việc vượt quá phạm vi thẩm quyền đại diện. Lúc này người đã giao dịch với người vượt quá phạm vi đại diện có thể: đơn phương chấm dứt hoặc hủy bỏ giao dịch dân sự đối với phần vượt quá phạm vi đại diện hoặc toàn bộ giao dịch dân sự và yêu cầu bồi thường thiệt hại; trừ trường hợp người đó biết hoặc phải biết về việc vượt quá phạm vi đại diện mà vẫn giao dịch hoặc người được đại diện đã đồng ý.

- Trường hợp người đã xác lập giao dịch biết hoặc phải biết về việc vượt quá thẩm quyền đại diện mà vẫn xác lập giao dịch thì giao dịch đó vô hiệu. Nếu

giao dịch đã xác lập gây thiệt hại cho người được đại diện thì người đại diện vượt quá phạm vi đại diện và người đã xác lập giao dịch phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại.

### **Kết luận chương 1**

Trong đời sống hiện nay, cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội và các mối giao lưu dân sự, quan hệ đại diện được xác lập ngày càng nhiều. Bởi vậy chế định đại diện có ý nghĩa rất lớn trong thực tiễn quan hệ pháp luật dân sự.

- Đối với cá nhân ngoài những người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ có thể tham gia vào giao dịch dân sự theo Điều 117 BLDS 2015 thì còn có nhiều những đối tượng khác: người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi. Đối với những đối tượng này đều có nhu cầu tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào các giao dịch dân sự. Nhưng những hạn chế về mặt nhận thức đã cản trở họ khiến họ không thể tự mình xác lập được các giao dịch, chế định đại diện được đặt ra lúc này để giúp đỡ các cá nhân này tiến hành xác lập các giao dịch theo mong muốn hoặc lợi ích cá nhân của họ.

- Đối với pháp nhân chủ thể quan trọng của sự phát triển kinh tế xã hội, văn hóa trong xã hội. Việc tham gia vào các giao dịch dân sự của các chủ thể này ngày một đa dạng và phong phú hơn. Tuy nhiên, những chủ thể này là tập hợp gồm rất nhiều những cá nhân khác nhau, trong khi một giao dịch không thể xác lập thông qua tất cả mọi cá nhân. Cùng với đó, pháp nhân có thể cùng lúc xác lập nhiều giao dịch, hoặc ở nhiều nơi khác nhau, hoặc các giao dịch có mức độ khó khăn khác nhau mà bản thân nó không thể tự giải quyết hết được, chế định đại diện đặt ra nhằm giúp các pháp nhân có thể xác lập giao dịch như ý muốn.

Đại diện được coi là công cụ hỗ trợ đắc lực cho các giao dịch dân sự phát triển an toàn và hiệu quả trong dòng chảy của các lưu thông dân sự ngày càng phát triển phong phú và đa dạng như hiện nay.

Với việc cho phép Pháp luật về đại diện trong BLDS năm 2015 sửa đổi, bổ sung hoàn thiện từ BLDS năm 2005 đã kịp thời thỏa mãn các nhu cầu trong quan hệ đại diện, đảm bảo quyền và nghĩa vụ cho các bên trong giao dịch dân sự.

## **CHƯƠNG 2**

### **CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG**

#### **2.1. Các loại người đại diện của doanh nghiệp**

Theo khoản 7 Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2014, “Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh”. Doanh nghiệp có thể có tư cách pháp nhân (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh) hoặc không có tư cách pháp nhân (doanh nghiệp tư nhân). Nếu là pháp nhân, doanh nghiệp là pháp nhân thương mại theo quy định tại Điều 75 BLDS năm 2015 “Pháp nhân thương mại là pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên”. Do là một tổ chức, không phải là con người cụ thể nên tổ chức đó cần có người đại diện cho ý chí của mình, thay mặt mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của tổ chức. Khi thực hiện chức năng đại diện, người đại diện phải nhân danh và vì lợi ích của doanh nghiệp (Điều 134 BLDS năm 2015). Đại diện của doanh nghiệp có thể là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền.

##### **2.1.1. Người đại diện theo pháp luật**

###### **2.1.1.1. Khái niệm người đại diện theo pháp luật**

Đại diện theo pháp luật còn được gọi là đại diện đương nhiên, tức là được pháp luật công nhận quyền đương nhiên nhân danh doanh nghiệp trong các hoạt động của doanh nghiệp. LDN năm 2005 không có điều khoản riêng quy định về người đại diện theo pháp luật mà các quy định xác định người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nằm rải rác ở các điều khoản về cơ cấu tổ chức, quản lý của từng loại hình doanh nghiệp như công ty trách nhiệm hữu hạn (khoản 5 Điều 67, khoản 1 Điều 74), công ty cổ phần (khoản 1 Điều 116),

công ty hợp danh (khoản 1 Điều 137), doanh nghiệp tư nhân (khoản 4 Điều 143). Tuy nhiên trong thời gian thực thi LDN năm 2005, các vấn đề phát sinh liên quan đến người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ngày càng nhiều. Trong quá trình biên soạn LDN năm 2014, các nhà làm luật đã đánh giá tầm quan trọng của người đại diện theo pháp luật là phải được luật quy định rõ ràng và đã thể hiện bước tiến mới khi dành hai điều khoản riêng quy định về người đại diện theo pháp luật. Theo đó, khoản 1 Điều 13 LDN năm 2014 quy định: “Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật”.

Từ định nghĩa trên ta rút ra được các điểm đặc trưng của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

*Thứ nhất*, người đại diện theo pháp luật phải là cá nhân, là con người cụ thể. Mặc dù không nêu rõ yêu cầu về cá nhân người đại diện theo pháp luật tại khoản 1 Điều 13 nhưng tại khoản 5 Điều này có quy định: Nếu người đại diện theo pháp luật bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì chủ sở hữu công ty, hội đồng thành viên, hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty. Quy định này cho thấy yêu cầu có năng lực hành vi dân sự là điều kiện bắt buộc của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 134 BLDS năm 2015 về người đại diện, theo đó khoản này quy định “người đại diện phải có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập, thực hiện” [1, tr. 4].

*Thứ hai*, định nghĩa mới này chỉ nhắc đến việc thực hiện giao dịch nhân danh doanh nghiệp mà chưa đề cập chức năng xác lập giao dịch nhân danh doanh nghiệp. Trên thực tế, người đại diện theo pháp luật thường đóng vai trò quan trọng trong việc xác lập các giao dịch dân sự, còn quá trình thực hiện giao dịch có thể còn do nhiều chủ thể khác đảm nhiệm. Mặc dù khoản 1, Điều 13, LDN năm 2014 có quy định mở là người đại diện theo pháp luật được thực hiện “các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật”, tức là được thực hiện quyền xác lập giao dịch được nêu trong khoản 1 Điều 134 BLDS năm 2015, song việc không nêu một cách cụ thể quyền hạn này trong văn bản luật chuyên ngành cũng là một hạn chế [5, tr. 18].

*Thứ ba*, người đại diện theo pháp luật là đại diện thực hiện các quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp, bao gồm quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của doanh nghiệp; trong thủ tục tố tụng tòa án hoặc trọng tài và các quyền và nghĩa vụ khác. Có thể nói, đây chính là phạm vi đại diện của người đại diện theo pháp luật. Trong số các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, các nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của doanh nghiệp chiếm phần lớn. Đó có thể là các hợp đồng ký kết phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoặc các giao dịch giữa doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước, giữa doanh nghiệp với các tổ chức khác [1, tr. 5]. Khoản 3 Điều 141 BLDS năm 2015 quy định: “Người đại diện theo pháp luật có quyền xác lập, thực hiện mọi giao dịch dân sự vì lợi ích của người được đại diện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Bên cạnh đó, người đại diện theo pháp luật còn thực hiện các quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp trong thủ tục tố tụng tòa án hoặc trọng tài. Điều đó có nghĩa là nếu doanh nghiệp là nguyên đơn, bị đơn trong các vụ kiện tại toàn án, trọng tài thì người đại diện đương nhiên của doanh nghiệp tham gia các thủ tục tố tụng phải là người đại diện theo pháp luật. Nếu người này không

tham gia được thì có thể ủy quyền cho người khác – những người không có quyền đương nhiên như người đại diện theo pháp luật. Ngoài ra, người đại diện theo pháp luật có thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác ngoài những quyền và nghĩa vụ trên.

*\* Luật doanh nghiệp năm 2014 cho phép công ty TNHH và công ty cổ phần tự chủ về số lượng người đại diện theo pháp luật*

Trước đây, LDN năm 2005 chỉ cho phép đối với công ty TNHH và công ty cổ phần chỉ có một người đại diện theo pháp luật. Điều này đã tạo ra rất nhiều khó khăn vướng mắc, nhất là đối với những công ty lớn có hàng trăm nhân viên, với nhiều cơ sở kinh doanh ở các tỉnh thành khác nhau. Trường hợp với doanh nghiệp mà giám đốc hoặc tổng giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật thì họ gần như không thể thực hiện được nhiệm vụ “điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty” theo quy định tại điều 70 và điều 116 của LDN năm 2005. Hay nói đúng hơn, mọi hoạt động hàng ngày của giám đốc không còn là quyền đương nhiên theo luật, mà đều phải dựa trên cơ sở ủy quyền của người đại diện theo pháp luật. Ngược lại, nếu chủ tịch không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty, khi ký kết hợp đồng lại phải nhận được sự cho phép (ủy quyền) của giám đốc, mặc dù chủ tịch có thể là người chủ đích thực của công ty, còn giám đốc chỉ là người lao động làm thuê.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt, thì không dễ gì giải quyết được công việc phát sinh cần có sự ủy quyền, nhất là pháp luật lại chỉ cho phép người được ủy quyền chỉ được ủy quyền lại cho người thứ ba nếu được người đại diện theo pháp luật đồng ý. Mỗi lần thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, lại xuất hiện một khoảng thời gian không thể xác định được ai mới thật sự là người đại diện, khi mà người cũ thì đã bị

phế truất, còn người mới thì lại chưa được ghi nhận trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Khi công ty cần ký hợp đồng, chẳng hạn như thuê nhà để làm trụ sở, với chính cá nhân người đại diện theo pháp luật, thì cũng bế tắc vì vướng quy định tại khoản 5, điều 144 của BLDS năm 2005 về “Phạm vi đại diện”: “Người đại diện không được xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự với chính mình hoặc với người thứ ba mà mình cũng là người đại diện của người đó”. Nếu ủy quyền cho người khác để ký trong trường hợp này, thì cũng chỉ là sự đánh tráo khái niệm.

Vì những bất cập trong LDN năm 2005 như vậy mà LDN năm 2014 tại khoản 2 Điều 13 đã cho phép “công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật”. Đồng thời số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được quy định cụ thể tại điều lệ công ty. Theo khoản 18 Điều 4 LDN năm 2014 quy định người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty và người quản lý doanh nghiệp tư nhân, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại điều lệ công ty.

Trong thời kỳ hội nhập nền kinh tế thế giới, ở Việt Nam ngày càng có nhiều doanh nghiệp muốn tự chủ trong chủ động lựa chọn địa bàn, hình thức kinh doanh, mở rộng quy mô kinh doanh, chủ động tìm kiếm thị trường và khách hàng. Mà muốn thực hiện được những điều này, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp lớn, thì cần phải có nhiều người đại diện cho doanh nghiệp đó

trong giao kết và thực hiện các giao dịch với chủ thể khác, điều mà bản thân cá nhân một người không thể đảm nhận hết. Đây là lần đầu tiên LDN cho phép doanh nghiệp tự quyết định về số lượng người đại diện theo pháp luật, điều này đã giảm bớt các vướng mắc gặp phải ở luật cũ đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tận dụng được mọi cơ hội kinh doanh với bên ngoài thông qua trực tiếp các người đại diện theo pháp luật, đảm bảo quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy định này còn giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc quản lý nội bộ, tăng trách nhiệm của những người được chỉ định là đại diện theo pháp luật, giảm bớt các thủ tục hành chính khi không cần phải tiến hành thủ tục ủy quyền. Đồng thời, quy định này còn gỡ rối cho doanh nghiệp trong một số trường hợp đặc biệt, ví dụ, người đại diện duy nhất của doanh nghiệp không hợp tác, không thực hiện các yêu cầu của thành viên, cổ đông trong quản lý điều hành nội bộ cũng như giao dịch với bên ngoài.

*Quy định của LDN năm 2014 về công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 137 BLDS năm 2015. Theo đó, tại Điều 140 và Điều 141 BLDS năm 2015 quy định một pháp nhân có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật và mỗi người đại diện có quyền đại diện cho pháp nhân.*

Quy định về việc doanh nghiệp có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật cũng khá tương thích với pháp luật công ty của các nước tiên tiến trên thế giới như Mỹ, Singapore, Cộng hòa liên bang Đức... Theo đó, ở Singapore, công ty có ban giám đốc, tổng giám đốc có quyền đại diện cho công ty về những vấn đề trong phạm vi quyền hạn của họ, ví dụ như giám đốc điều hành, giám đốc tài chính, giám đốc nhân sự, giám đốc bán hàng... Công ty phải có ít nhất một giám đốc thường trú tại quốc gia sở tại [2, tr. 55]. Còn ở Hoa Kỳ, người điều hành công ty bao gồm tổng giám đốc, chủ tịch, phó chủ tịch, giám

độc tài chính... trực tiếp điều hành các hoạt động hàng ngày của công ty theo lĩnh vực được phân công, trong đó tổng giám đốc, chủ tịch công ty điều hành công việc chung và là người điều hành cao nhất. Người điều hành công ty là người đại diện của công ty trong phạm vi thẩm quyền được giao [14, tr. 157]. Ở Úc, giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Một công ty có thể có nhiều giám đốc và do đó có nhiều người đại diện theo pháp luật với thẩm quyền đại diện được xác định rõ ràng và chịu trách nhiệm trong phạm vi đại diện của mình [7, tr. 270].

Đối với doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh thì LDN năm 2014 đã có quy định rất cụ thể đối với hai loại hình doanh nghiệp này nên không có quy định chung về số lượng người đại diện theo pháp luật.

Đối với từng loại hình doanh nghiệp cụ thể mà LDN năm 2014 cụ thể về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đó. Trong doanh nghiệp tư nhân, chủ doanh nghiệp tư nhân là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp tư nhân có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời chủ doanh nghiệp tư nhân là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài hoặc Tòa án trong các tranh chấp liên quan đến doanh nghiệp (Điều 185). Đối với công ty hợp danh, các thành viên hợp danh có quyền đại diện theo pháp luật và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, mọi hạn chế đối với thành viên hợp danh, trong thực hiện công việc kinh doanh hằng ngày của công ty chỉ có hiệu lực đối với bên thứ ba khi người đó được biết về hạn chế đó (Điều 179)

Vị trí của người đại diện theo pháp luật trong doanh nghiệp là rất quan trọng. Vì hầu hết mọi giao dịch dân sự của doanh nghiệp đều phải thông qua

người đại diện theo pháp luật, luật doanh nghiệp 2014 quy định người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải có thông tin cá nhân trong hầu hết các giấy tờ liên quan tới việc thành lập doanh nghiệp như hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty TNHH và công ty cổ phần (Điều 22, Điều 23). Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp phải có “Họ, tên, chữ ký, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần” (Điều 24). Đối với công ty TNHH và công ty cổ phần thì nội dung điều lệ khi đăng ký doanh nghiệp bắt buộc phải có phần về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (điểm g khoản 1 Điều 25), khi sửa đổi, bổ sung điều lệ thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần (khoản 3 Điều 25). Về nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũng yêu cầu có thông tin về người đại diện theo pháp luật bao gồm “Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần; của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân” (Điều 29). Khi thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi (Điều 31). Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cũng là thành phần phải chịu trách nhiệm đối với hầu hết những văn bản pháp lý nội bộ cũng như công khai của doanh nghiệp, như: Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm ký giấy chứng nhận phần vốn góp và thông báo thay đổi vốn điều lệ đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên (Điều 48, Điều 68) bao gồm “Họ, tên, chữ ký của người

đại diện theo pháp luật của công ty”; với cổ phiếu, nội dung chào bán cổ phiếu riêng lẻ hay thông báo trả cổ tức của công ty cổ phần cũng đều phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (Điều 120, Điều 123, Điều 132)... Khi doanh nghiệp giải thể thì trong quyết định giải thể doanh nghiệp cũng cần phải có họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (Điều 202).

#### **2.1.1.2. Căn cứ pháp lý xác lập quyền đại diện**

Theo Điều 137 BLDS năm 2015 quy định căn cứ pháp lý xác lập quyền đại diện của người đại diện theo pháp luật bao gồm: (i) Theo điều lệ doanh nghiệp; (ii) Theo quy định của pháp luật mà cụ thể ở đây là Luật doanh nghiệp năm 2014; (iii) Theo quyết định của Tòa án.

##### ***Theo điều lệ doanh nghiệp***

Điểm g khoản 1 Điều 25 LDN năm 2014 quy định điều lệ công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn phải có nội dung về người đại diện theo pháp luật của công ty. Người đại diện theo pháp luật là do chủ sở hữu công ty tự quyết định và ghi nhận trong điều lệ công ty. Theo khoản 2 Điều 13 LDN năm 2014, điều lệ công ty phải quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Đây là quy định mới của LDN năm 2014 so với LDN năm 2005. Như vậy, điều lệ công ty cần có nội dung quy định về người đại diện theo pháp luật là người nắm giữ chức vụ cụ thể (chức danh quản lý) nào trong công ty, ví dụ chủ tịch hội đồng quản trị hay tổng giám đốc... Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần, chỉ trong trường hợp điều lệ công ty không quy định cụ thể thì pháp luật mới can thiệp để chỉ định người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp có người đại diện theo pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp. Điều này phù

hợp với nguyên tắc tôn trọng quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như quyền tự định đoạt của các chủ sở hữu doanh nghiệp [1, tr. 7].

\* Ví dụ về người đại diện theo pháp luật trong điều lệ của các doanh nghiệp Việt Nam sau khi Luật doanh nghiệp 2014 có hiệu lực thi hành

**Bảng 2.1: Trích điều lệ Công ty CP xây dựng và kinh doanh địa ốc Hòa Bình**

**Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi Nhánh, Văn Phòng Đại Diện và Thời Hạn Hoạt Động của Công Ty**

1. Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC HÒA BÌNH

- Tên tiếng việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC HÒA BÌNH

- Tên tiếng anh: HOA BINH CONSTRUCTION & REAL ESTATE CORPORATION

- Tên giao dịch: HOA BINH CORPORATION

- Tên viết tắt: HBC

2. Công Ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở chính của Công Ty đặt tại:

- Địa chỉ trụ sở chính: 235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Địa chỉ liên hệ: 123 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 08.39302097

- Fax: 08.39302097

- E-mail: [info@hbcr.vn](mailto:info@hbcr.vn)

Website: [www.hbcr.vn](http://www.hbcr.vn)

**4. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của công ty.**

5. Công Ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời gian hoạt động theo Khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 điều lệ này, thời gian hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

*Trích điều lệ Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh địa ốc Hòa Bình thông qua Đại hội đồng cổ đông chính thức ngày 27 tháng 4 năm 2016 [16]*

***Bảng 2.2: Trích điều lệ công ty CP container miền Trung***

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty**

1. Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER MIỀN TRUNG

Tên tiếng Anh : CENTRAL CONTAINER JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : VICONSHIP ĐN

2. Công ty là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành. Công ty được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định có liên quan của pháp luật và điều lệ công ty. Công ty cổ phần Container Miền Trung là công ty con của Công ty cổ phần

Container Việt Nam, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty con theo quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Container Việt Nam

3. Trụ sở Công ty : 75 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0511.834232–822922

Fax: 0511.826111

Email: [vicondng@viconship.com](mailto:vicondng@viconship.com)

4. Trong thời gian hoạt động Công ty có thể thay đổi trụ sở theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

**6. Giám đốc: Hoàng Thị Hà là người đại diện theo pháp luật của Công ty.**

*Trích điều lệ Công ty cổ phần container miền Trung thông qua Đại hội đồng cổ đông ngày 18 tháng 11 năm 2015 [17]*

***Bảng 2.3: Trích điều lệ công ty CP hàng tiêu dùng Masan***

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty**

1. Tên công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

- Tên tiếng Anh: MASAN CONSUMER CORPORATION

- Tên viết tắt: MASAN CONSUMER CORP.

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật của Việt Nam. Các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Điện thoại: (84 8) 62 555 660

- Fax: (84 8) 38 109 463

**4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:**

**a. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.**

**b. Mỗi người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.**

**c. Trường hợp Công ty thay đổi bất kỳ người đại diện theo pháp luật, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty theo quy định của pháp luật, bao gồm xin chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).**

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện trong nước

hoặc tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Pháp luật không cấm.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 49 của điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ Ngày thành lập.

*Trích điều lệ Công ty CP Masan thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 04 năm 2016 [18]*

Từ trích Điều lệ Bảng 2.1 và Bảng 2.2 và tham khảo LDN năm 2014 cùng các tài liệu khác có thể thấy điều lệ doanh nghiệp đối với phần người đại diện theo pháp luật có thể ghi rõ cá nhân cụ thể hoặc không ghi rõ cá nhân cụ thể. Ở Bảng 2.1, người xem chỉ biết người đại diện theo pháp luật của Công ty CP xây dựng và kinh doanh địa ốc Hòa Bình là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc mà không biết người đó cụ thể là ai. Song hành với việc này là khi doanh nghiệp thay đổi người đại diện mới mà vẫn giữ chức vụ quản lý như trong điều lệ thì doanh nghiệp chỉ cần thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà không cần phải thay đổi điều lệ doanh nghiệp. Nhưng đối với bên thứ ba khi giao dịch với doanh nghiệp thì sẽ cần phải cẩn trọng hơn và kiểm tra nhiều giấy tờ pháp lý hơn khi xác định ai là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Còn trong Bảng 2.2, khi bên thứ ba xem điều lệ đã biết cụ thể ai là người đại diện (ở đây Bà Hoàng Thị Hà giữ chức vụ giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty). Tuy nhiên khi thay đổi người đại diện theo pháp luật thì trong trường hợp này Doanh nghiệp sẽ cần đăng ký thay đổi nội dung của cả giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ doanh nghiệp. Ở Bảng 2.3, chúng ta xác định được công ty CP hàng tiêu dùng Masan có hai người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc công ty. Việc không phân định rạch ròi quyền và nghĩa vụ của hai người đại diện này theo BLDS năm 2014 thì hai người đại

diện theo pháp luật này đều có quyền xác lập, thực hiện mọi giao dịch dân sự vì lợi ích của doanh nghiệp.

***Theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014***

Đối với công ty hợp danh, theo khoản 1 Điều 179 LDN năm 2014 quy định tất cả các thành viên hợp danh đều là đại diện theo pháp luật và có quyền nhân danh công ty trong các giao dịch và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Đối với doanh nghiệp tư nhân, khoản 4 Điều 185 LDN năm 2014 quy định chủ doanh nghiệp tư nhân là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Như vậy, đối với 2 loại hình doanh nghiệp là công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã được định rõ trong LDN năm 2014, chủ sở hữu doanh nghiệp không có quyền quyết định người đại diện theo pháp luật khác với quy định của pháp luật. Vì thế, đối với 2 loại hình doanh nghiệp này, chủ sở hữu doanh nghiệp bị hạn chế quyền lựa chọn và quyết định người đại diện theo pháp luật của mình. Về nguyên tắc, người hoặc những người được pháp luật quy định đương nhiên trở thành người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của chủ sở hữu công ty. Nếu chủ sở hữu công ty muốn can thiệp hay quyết định khác so với quy định pháp luật thì sự can thiệp này chỉ thực hiện được nếu pháp luật có quy định. Ví dụ, trong trường hợp công ty hợp danh muốn hạn chế quyền đại diện theo pháp luật của các thành viên hợp danh, tức là chỉ một hoặc một vài người nhất định, chứ không phải tất cả các thành viên hợp danh được quyền đó hoặc người đại diện theo pháp luật bị hạn chế một số quyền nhất định thì sự hạn chế đó chỉ có hiệu lực đối với bên thứ ba khi người đó được biết về sự hạn chế đó. Trong trường hợp bên thứ ba không biết được về sự hạn chế đó thì thành viên hợp danh này vẫn được coi là người đại diện theo pháp luật của công ty và có đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

Đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, pháp luật cho phép điều lệ công ty được quy định về người đại diện theo pháp luật. Trường hợp điều lệ không quy định thì áp dụng quy định của pháp luật. Theo đó, tại khoản 2 Điều 134 LDN năm 2014 quy định đối với công ty cổ phần, trường hợp chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì chủ tịch hội đồng quản trị hoặc giám đốc (tổng giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của công ty. Như vậy, nếu công ty chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì người đó bắt buộc phải là một trong hai chức danh chủ tịch hội đồng quản trị hoặc giám đốc (tổng giám đốc), chứ không được chỉ định người nào khác. Nếu điều lệ không có quy định khác thì chủ tịch hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp có hơn một người đại diện theo pháp luật thì chủ tịch hội đồng quản trị và giám đốc (tổng giám đốc) đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty. Ngoài hai chức danh đó, công ty có thể có thêm những người đại diện theo pháp luật khác và phải được ghi nhận trong điều lệ công ty.

Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, khoản 2 Điều 78 LDN năm 2014 quy định trường hợp điều lệ công ty không quy định thì chủ tịch hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty.

### ***Theo quyết định của Tòa án***

Thông thường, quyền đại diện được hình thành bằng hai con đường nêu trên. Tuy nhiên, thực tế hoạt động của doanh nghiệp ở Việt Nam cho thấy, trong một số trường hợp đặc biệt, toàn án có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật trong quá trình tố tụng tại toàn án. Cụ thể, Điều 87 và Điều 88 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định, toàn án phải chỉ định người đại diện để tham gia tố tụng tại tòa án trong trường hợp nguyên đơn, bị đơn không có người đại diện hoặc người đại diện theo pháp luật nhưng người này

rơi vào một trong hai trường hợp sau: i) Là đương sự trong cùng một vụ án với doanh nghiệp nhưng quyền và lợi ích hợp pháp của họ đối lập với quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp; ii) Đang là người đại diện theo pháp luật trong tố tụng dân sự cho một đương sự khác mà quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đó đối lập với quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp mà họ đại diện trong cùng một vụ việc. Quy định này của pháp luật tố tụng nhằm tránh xung đột lợi ích của cá nhân người đại diện và doanh nghiệp mà họ đại diện. Trong những trường hợp này, không phụ thuộc vào điều lệ doanh nghiệp hay ý chí của chủ sở hữu doanh nghiệp, tòa án có quyền chỉ định người đại diện cho doanh nghiệp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp tại tòa án.

### **2.1.2. Người đại diện theo ủy quyền**

Pháp luật về người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp trong LDN năm 2014 vẫn chưa có các quy định rõ ràng. Theo khoản 1 Điều 138 BLDS năm 2015 quy định “Cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự”.

#### ***- Người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp là cá nhân***

Trên thực tế, theo LDN năm 2014 quy định doanh nghiệp phải đảm bảo luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật đại diện cho mình tham gia các giao dịch dân sự. Tuy nhiên trong một số trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp vì lí do nào đó không thể trực tiếp xác lập, thực hiện giao dịch nhân danh doanh nghiệp thì người đại diện theo pháp luật đó có thể ủy quyền cho một người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, đồng nghĩa người được ủy quyền bởi người đại diện theo pháp luật chính là người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp đó. Việc ủy quyền phải tuân theo các quy định của BLDS năm

2015. Trường hợp này người đại diện theo pháp luật phải có văn bản ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền. Người đại diện theo ủy quyền chỉ được thực hiện những hành vi trong phạm vi và thời hạn ủy quyền. Hành vi của người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền được coi là hành vi của doanh nghiệp, vì vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự với doanh nghiệp. Người đại diện theo pháp luật có thể ủy quyền cho nhiều người khác nhau thực hiện giao dịch của doanh nghiệp.

Ngoài ra, khi một công ty A có sở hữu vốn góp hoặc số cổ phần ở một công ty B thì có thể cử người đại diện theo ủy quyền đại diện cho phần vốn góp hoặc số cổ phần của công ty A thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ trong công ty B. Trường hợp này theo Điều 15 LDN năm 2104 quy định “Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh chủ sở hữu, thành viên, cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của LDN năm 2014”.

Trường hợp điều lệ công ty không có quy định thì nếu doanh nghiệp là thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên khác có sở hữu ít nhất 35% vốn điều lệ thì có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Nếu doanh nghiệp là cổ đông công ty cổ phần khác có sở hữu ít nhất 10 % tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Nếu doanh nghiệp cử nhiều người đại diện theo ủy quyền cho phần vốn góp, số cổ phần ở công ty khác thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp doanh nghiệp không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền (khoản 2, khoản 3 Điều 15 LDN năm 2014). Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải

bằng văn bản, phải thông báo cho công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được thông báo.

Ví dụ: Doanh nghiệp X có sở hữu 10% tổng số cổ phần phổ thông ở công ty cổ phần Y. Doanh nghiệp X cử hai người đại diện theo ủy quyền đại diện cho số cổ phần ở công ty Y. Trường hợp nếu trong văn bản ủy quyền của doanh nghiệp X không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì mỗi người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp X sẽ đại diện cho 5% tổng số cổ phần phổ thông của doanh nghiệp X ở công ty cổ phần Y. Doanh nghiệp X cần phải có văn bản ủy quyền cụ thể cho hai người đại diện theo ủy quyền của mình và phải thông báo cho công ty Y.

Pháp luật yêu cầu trong văn bản ủy quyền cần phải có đầy đủ thông tin về số lượng người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền; văn bản ủy quyền phải có đầy đủ thông tin cá nhân (bao gồm họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) của từng người đại diện theo ủy quyền cùng thời gian ủy quyền tương ứng với mỗi người đại diện theo ủy quyền, trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền. Văn bản ủy quyền cần phải có họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có người đại diện theo ủy quyền và của người đại diện theo ủy quyền.

Người được ủy quyền phải là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp. Công ty nếu do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ có phần vốn góp hay cổ phần ở công ty khác thì không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của

người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác.

***- Người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp là tổ chức***

LDN năm 2014 chưa có quy định cụ thể về việc người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp là tổ chức khác. Theo BLDS năm 2015, ngoài việc ủy quyền cho cá nhân, doanh nghiệp có thể thông qua người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho một pháp nhân khác để đại diện cho mình trong quan hệ với bên thứ ba. Nghĩa là doanh nghiệp muốn ủy quyền cho tổ chức khác thì tổ chức đó phải là pháp nhân.

Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 141 Luật thương mại 2005 thì: “Đại diện cho thương nhân là việc một thương nhân nhận uỷ nhiệm (gọi là bên đại diện) của thương nhân khác (gọi là bên giao đại diện) để thực hiện các hoạt động thương mại với danh nghĩa, theo sự chỉ dẫn của thương nhân đó và được hưởng thù lao về việc đại diện”. Về định nghĩa thương nhân có thể được hiểu theo khoản 1 Điều 6 Luật thương mại 2005 là “bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh”. Như vậy thương nhân sẽ bao gồm các “tổ chức kinh tế” và các cá nhân có “đăng ký kinh doanh”. Khi một thương nhân đại diện cho doanh nghiệp để thực hiện quan hệ thương mại và có thù lao, như vậy quan hệ này sẽ được xem là quan hệ đại diện cho thương nhân do Luật thương mại 2005 điều chỉnh. Bên đại diện cho thương nhân có thể là tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc tổ chức không có tư cách pháp nhân. Tại khoản 1 Điều 3 Luật thương mại 2005 có quy định: “Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác”. Có thể thấy trên thực tế phần lớn các hợp đồng hoặc giao dịch của

doanh nghiệp có mục đích sinh lợi đều liên quan đến hoạt động thương mại đồng nghĩa với việc quan hệ đại diện của doanh nghiệp đều liên quan đến hoạt động thương mại [20].

Từ đó có thể hiểu theo Luật thương mại 2005 thì doanh nghiệp có thể ủy quyền cho một tổ chức kinh tế khác để thực hiện các mục đích sinh lợi cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế này có thể có tư cách pháp nhân hoặc không có tư cách pháp nhân.

### **2.1.3. Người đại diện trong các trường hợp đặc biệt**

Trong một số trường hợp đặc biệt có những người không phải là đại diện theo pháp luật hay đại diện theo ủy quyền cho doanh nghiệp nhưng lại nhân danh doanh nghiệp thực hiện giao dịch dân sự đối với bên thứ ba. Đối với điều này thì LDN năm 2014 chưa có quy định cụ thể nhưng căn cứ vào Điều 142, Điều 143 BLDS năm 2015 có quy định về trường hợp những người không có quyền đại diện hoặc vượt quá thẩm quyền đại diện nhân danh doanh nghiệp xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với bên thứ ba.

Trường hợp người không có quyền đại diện hoặc vượt quá thẩm quyền đại diện nhân danh doanh nghiệp thực hiện giao dịch với bên thứ ba nhưng được doanh nghiệp công nhận giao dịch thì quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch vẫn thuộc về doanh nghiệp đó mặc dù người xác lập giao dịch không phải người đại diện theo pháp luật cũng như người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp.

Trường hợp sau khi xác lập giao dịch trên, bên thứ ba biết người xác lập giao dịch với mình không phải là người đại diện của doanh nghiệp hoặc vượt quá thẩm quyền đại diện và thông báo tới doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp không phản đối thì quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch này cũng thuộc về doanh nghiệp đó.

Trường hợp doanh nghiệp có lỗi dẫn đến việc bên thứ ba không biết hoặc không thể biết về việc người đã xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với mình không có hoặc vượt quá thẩm quyền đại diện thì vẫn làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với doanh nghiệp.

Như vậy, đối với một số cá nhân mặc dù không phải là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền nhưng lại được doanh nghiệp đồng ý hoặc biết mà không phản đối việc nhân danh doanh nghiệp ký kết hợp đồng giao dịch với bên thứ ba, hoặc doanh nghiệp có lỗi khiến bên thứ ba không biết hoặc không thể biết người ký hợp đồng với mình không có thẩm quyền đại diện thì hợp đồng đó vẫn làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với doanh nghiệp.

## **2.2. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện của doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp năm 2014**

Đối với bất cứ cá nhân nào làm người đại diện cho doanh nghiệp đều có quyền và nghĩa vụ cụ thể trong phạm vi đại diện của mình. LDN năm 2014 đã có sự thừa kế, phát triển so với LDN năm 2005 khi có các quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của người đại diện của doanh nghiệp.

### **2.2.1. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

Thực tế, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật gắn liền với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra quyền của người đại diện theo pháp luật được quy định rất cụ thể trong điều lệ công ty.

Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật cũng bị giới hạn thẩm quyền ký hợp đồng trong một số trường hợp theo LDN năm 2014. Theo đó, người đại diện theo pháp luật không có quyền đương nhiên ký hợp đồng nếu không được sự chấp thuận của cơ quan quản lý doanh nghiệp như đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị, hội đồng thành viên. Trong công ty TNHH, người đại diện theo pháp luật muốn xác lập, thực hiện hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty phải có quyết định hoặc thông qua của Hội đồng thành viên (điểm d khoản 2 Điều 56 LDN 2014); Theo Điều 67 LDN năm 2014, hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên chấp thuận: (i) Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty; (ii) Người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ và các người có liên quan.

Đối với công ty cổ phần, nếu người đại diện theo pháp luật ký hợp đồng đầu tư hoặc bán, vay, cho vay tài sản... có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ khác thì phải có quyết định hoặc thông qua của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty cổ phần (điểm d khoản 2 Điều 135, điểm h khoản 2 Điều 149 LDN 2014); theo Điều 162 LDN năm 2014, hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận: (i) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ.

Đi kèm với việc có quyền lực rất lớn trong doanh nghiệp thì người đại diện theo pháp luật cũng có nhiều nghĩa vụ, trách nhiệm. Pháp luật yêu cầu một trong những nghĩa vụ quan trọng nhất của người đại diện theo pháp luật đó là nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp (khoản 1 Điều 14 LDN năm 2014). Nghĩa vụ cẩn trọng có thể hiểu người đại diện cần phải có sự lựa chọn và thói quen hợp lý mà người ta có thể chờ đợi ở bất kỳ nhà kinh doanh nào, cụ thể hơn là các xử sự mà bất kỳ nhà kinh doanh nào cũng phải có khi thấy dấu hiệu bất lợi cho công ty trong khi giải quyết những vấn đề của công ty. Điều này yêu cầu người đại diện luôn luôn coi trọng mọi công việc mình làm nhân danh công ty và cẩn thận với những việc có thể phát sinh từ công việc đó. Điều này thật sự là không dễ với mỗi người đại diện theo pháp luật, điều này yêu cầu người đại diện theo pháp luật phải có sự am hiểu sâu sắc đối với phạm vi mà người đó đại diện. Trong xu hướng hội nhập kinh tế thế giới, liên tục có các vấn đề mới từ quốc tế xuất hiện trong nền kinh tế nước nhà mà pháp luật vẫn chưa quy định cụ thể. Để đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp trong các giao dịch dân sự thì người đại diện theo pháp luật cần liên tục nghiên cứu các tài liệu nước ngoài liên quan đến phạm vi đại diện, cập nhật thông tin kinh tế thế giới, học tập kinh nghiệm từ các doanh nghiệp lớn khi xử lý các tình huống ở các nước tiên tiến.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có nghĩa vụ phải trung thành với lợi ích của doanh nghiệp, điều này có thể hiểu là người đại diện không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Với các doanh nghiệp khi nghiên cứu các sản phẩm mới thì luôn đặt yếu tố bí mật sản phẩm lên hàng đầu, trong môi trường cạnh tranh khi mà luật pháp vẫn chưa thể đáp ứng nhu

cầu xã hội thì vẫn có những doanh nghiệp bằng những phương pháp cạnh tranh không lành mạnh để đánh bại đối thủ kinh doanh. Vì vậy, thông tin, bí quyết kinh doanh luôn là điều bí mật đối với mỗi doanh nghiệp. Các doanh nghiệp phát triển đều có các bí quyết bí mật kinh doanh làm nên sự thành công của họ, điều này đã gián tiếp khiến một số doanh nghiệp bằng mọi cách có được bí quyết kinh doanh của các doanh nghiệp thành công để tồn tại được trong môi trường cạnh tranh khốc liệt. Quyền hạn rất lớn của người đại diện theo pháp luật giúp họ tiếp xúc được với rất nhiều thông tin nội bộ của doanh nghiệp. Pháp luật yêu cầu người đại diện theo pháp luật luôn phải trung thành với lợi ích của doanh nghiệp, đảm bảo bí mật thông tin, bí quyết cũng như cơ hội kinh doanh, đồng thời cũng không được làm dụng phạm vi thẩm quyền và tài sản doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích tổ chức, cá nhân khác.

Đồng thời người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cũng phải đặt lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp lên hàng đầu trong quá trình thực hiện các giao dịch của doanh nghiệp. Người đại diện theo pháp luật cũng phải có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp vi phạm các nghĩa vụ trên sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ đó. Theo đó, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà cá nhân bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường, cá nhân có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

### **2.2.2. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp**

Cá nhân, pháp nhân làm người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp thực hiện những công việc của doanh nghiệp ủy quyền thực hiện trong văn bản ủy quyền. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền được quy định cụ thể trong văn bản ủy quyền, tùy thuộc vào nhu cầu của doanh nghiệp mà trong văn bản ủy quyền sẽ có ghi rõ quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền. Người đại diện theo ủy quyền cần phải có trách nhiệm thực hiện những nội dung đã được ủy quyền.

Dựa vào BLDS năm 2015 có quy định một số quyền và nghĩa vụ đặc trưng của người đại diện theo ủy quyền trong hợp đồng ủy quyền. Theo Điều 565 và Điều 566 thì người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp có quyền yêu cầu doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết để thực hiện công việc ủy quyền và được thanh toán chi phí hợp lý mà người đại diện đó đã bỏ ra để thực hiện công việc ủy quyền; hưởng thù lao, nếu có thỏa thuận. Đồng thời nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền bao gồm:

- Thực hiện công việc theo ủy quyền và báo cho doanh nghiệp về việc thực hiện công việc đó.

- Báo cho bên thứ ba trong quan hệ thực hiện ủy quyền về thời hạn, phạm vi ủy quyền và việc sửa đổi, bổ sung trong phạm vi ủy quyền. Việc trong một thời gian có nhiều giao dịch dân sự bị tuyên là vô hiệu do người đại diện không có thẩm quyền ký kết hợp đồng thì đây là một trong những nghĩa vụ rất quan trọng nhằm đảm bảo quyền lợi cho bên thứ ba trong giao dịch dân sự.

- Bảo quản, giữ gìn tài liệu và phương tiện được giao để thực hiện việc ủy quyền.

- Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện việc ủy quyền.

- Giao lại cho doanh nghiệp tài sản đã nhận và những lợi ích thu được trong khi thực hiện việc ủy quyền theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

- Bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ các nghĩa vụ trên.

Tương tự như người đại diện theo pháp luật thì người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp cũng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.

## **2.3. Xử lý các trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp vắng mặt ở Việt Nam hoặc không có khả năng thực hiện nhiệm vụ**

### **2.3.1. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam**

Theo khoản 3 Điều 13 LDN năm 2014 quy định “Doanh nghiệp phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Trường hợp doanh nghiệp chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì người đó phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.” Đây là một điểm mới của LDN năm 2014, trong khi đó LDN năm 2005 chỉ yêu cầu người đại diện theo pháp luật phải ủy quyền do vắng mặt trên 30 ngày (Điều 46, Điều 95). Quy định này của LDN năm 2014 là cần thiết nhằm đảm bảo cho doanh nghiệp có ít nhất một người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền luôn có mặt tại Việt Nam để giải quyết các công việc liên quan đến doanh nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế, có nhiều trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác. Trong trường hợp này, đối với doanh nghiệp tư nhân có quy định khác biệt so với công ty trách nhiệm hữu

hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh. Cụ thể, đối với doanh nghiệp tư nhân, người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trở lại làm việc tại doanh nghiệp. Trong khi đó, đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, người được ủy quyền tiếp tục thực hiện công việc cho đến khi người đại diện theo pháp luật trở lại làm việc hoặc cho đến khi chủ sở hữu công ty, hội đồng thành viên, hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Sự khác biệt này là do doanh nghiệp tư nhân không có cơ quan quản lý khác có thể quyết định việc này, ngoài chính chủ doanh nghiệp. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, người đại diện theo pháp luật do điều lệ công ty quy định nhưng trong trường hợp này, rất khó có thể thay đổi điều lệ công ty vì phải tuân thủ thủ tục luật định. Trong khi đó, doanh nghiệp cần có ngay người đại diện để giải quyết công việc hàng ngày của doanh nghiệp. Xuất phát từ yêu cầu thực tế đó, LDN năm 2014 cho phép chủ sở hữu công ty, hội đồng thành viên, hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Do đã được luật định nên quyết định cử người này trở nên hợp pháp và có giá trị bắt buộc thi hành.

### **2.3.2. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt mà không có ủy quyền hoặc không thể, không có khả năng thực hiện nhiệm vụ.**

Chủ sở hữu công ty, hội đồng thành viên, hội đồng quản trị có quyền cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty trong các trường hợp sau đây: Doanh nghiệp chỉ có một người đại diện theo pháp luật và người này vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh

ngiệp. Hoặc người đại diện theo pháp luật bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

Riêng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên mà một thành viên là cá nhân làm người đại diện theo pháp luật của công ty bị tạm giam, kết án tù, trốn khỏi nơi cư trú, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề vì phạm tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và tội khác theo quy định của Bộ luật hình sự thì thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên về người đại diện theo pháp luật của công ty.

## **2.4. Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp 2014**

### **2.4.1. Quy định về nội dung người đại diện theo pháp luật trong điều lệ của doanh nghiệp**

Mặc dù LDN năm 2014 yêu cầu đối với công ty TNHH và công ty cổ phần phải quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trong điều lệ công ty tuy nhiên luật lại đang bỏ ngỏ trường hợp điều lệ công ty không quy định quyền và nghĩa vụ người đại diện theo pháp luật thì xử lý như thế nào. Thực tế khi thi hành pháp luật có những vấn đề phát sinh như sau:

- Trường hợp doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật mà không ghi rõ phạm vi thẩm quyền của từng người, mặc dù BLDS năm 2015 có quy định về việc này như sau “Người đại diện theo pháp luật có quyền xác lập, thực hiện mọi giao dịch dân sự vì lợi ích của người đại diện” (khoản 2 Điều 141) có nghĩa là với trường hợp trên thì tất cả những người đại diện theo

pháp luật đều có quyền xác lập, thực hiện giao dịch dân sự như nhau. Điều đó phát sinh một số vấn đề sau:

+ Khi xảy ra sự tranh chấp giữa các nhóm cổ đông, trong trường hợp người đại diện này ký một văn bản gửi cho đối tác và cơ quan quản lý, người đại diện khác lại gửi một văn bản với nội dung hoàn toàn trái ngược thì sẽ xử lý như thế nào. Bên đối tác và cơ quan quản lý lúc này sẽ phải thực hiện theo văn bản nào.

+ Nếu có cùng một giao dịch thì ai là người có thẩm quyền ký. Xét trên phạm vi thẩm quyền đại diện như nhau thì nếu các người đại diện theo pháp luật không đồng nhất quan điểm thì gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trường hợp doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật và điều lệ có quy định phạm vi thẩm quyền của từng người thì thực tế bên thứ ba cũng không dễ để tiếp xúc với điều lệ doanh nghiệp. Nếu như bên thứ ba không xem xét kỹ điều lệ của doanh nghiệp trước khi xác lập giao dịch thì dễ dẫn đến việc xác lập giao dịch với người không có thẩm quyền đại diện. Nếu thông tin về việc phân công phạm vi đại diện chỉ giới hạn trong nội bộ doanh nghiệp thì các chủ thể bên ngoài sẽ khó mà biết được người đại diện mà mình đang đàm phán có thẩm quyền quyết định trong giao dịch mà mình hướng tới hay không. Đối với bên thứ ba cũng chỉ có thể tìm hiểu trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng theo quy định hiện nay, nội dung Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty TNHH, công ty cổ phần chỉ thể hiện các thông tin cơ bản về danh tính của người đại diện theo pháp luật (Khoản 3 Điều 29) mà không ghi nhận phạm vi được đại diện.

#### **2.4.2. Quyền lợi của bên thứ ba trong giao dịch dân sự**

Về việc công khai thông tin của các doanh nghiệp hiện nay còn nhiều hạn chế nên không tránh khỏi những tranh chấp xảy ra liên quan đến người đại diện theo pháp luật về thẩm quyền ký kết giao dịch của họ với người thứ ba. Trên thực tế, có nhiều vấn đề về nghĩa vụ công bố thông tin Luật doanh nghiệp chưa được quy định rõ ràng và doanh nghiệp Việt Nam chưa có thói quen tuân thủ. Vì giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có rất ít thông tin về người đại diện theo pháp luật mà nếu bên thứ ba không được đọc điều lệ thì khả năng rủi ro về phía bên thứ ba là rất cao vì họ không biết được thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật đến đâu. Mặc khác, khi ký kết hợp đồng với công ty, các bên, đặc biệt là cá nhân thường ít quan tâm đến thẩm quyền của người ký kết, cứ thấy người ký là đại diện theo pháp luật của công ty và có dấu đỏ là an tâm rằng mình đã giao kết với công ty. Thực tế có nhiều hợp đồng được ký bởi người không có thẩm quyền và khi xảy ra xung đột, công ty không muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng (thường là do việc thực hiện hợp đồng không còn có lợi cho họ) đã lấy lý do người ký không đúng thẩm quyền để thoái thác trách nhiệm. Điều này đã gây nhiều phiền toái, cũng như thiệt hại cho đối tác, đặc biệt với những hợp đồng có giá trị lớn thì thiệt hại là không hề nhỏ. Công ty không chịu bồi thường thiệt hại cho đối tác vì cho rằng người ký hợp đồng không nhân danh công ty, còn cá nhân ký kết hợp đồng hoặc thoái thác trách nhiệm hoặc không có khả năng tự chịu trách nhiệm đối với thiệt hại quá lớn của đối tác.

Một số trường hợp điển hình cụ thể của việc người ký không đúng thẩm quyền đại diện:

- Người ký là đại diện theo pháp luật của công ty nhưng không có thẩm quyền ký kết. Đây là những trường hợp mà theo quy định của pháp luật hoặc

điều lệ công ty trước khi ký hợp đồng phải có quyết định hoặc thông qua của Hội đồng thành viên (đối với công ty TNHH), Đại hội đồng cổ đông hay Hội đồng quản trị (đối với công ty CP). Nhưng, khi chưa có quyết định hoặc thông qua này, người đại diện theo pháp luật của công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng giao dịch.

- Người ký không phải là đại diện theo pháp luật của công ty và không có ủy quyền hợp pháp của người có thẩm quyền ký kết. Có thể kể đến một vài trường hợp như: Phó Giám đốc, Giám đốc chi nhánh, Trưởng các phòng, ban... ký hợp đồng nhưng không có ủy quyền hợp pháp của người có thẩm quyền.

- Người ký không phải là đại diện theo pháp luật của công ty, có ủy quyền hợp pháp nhưng thực hiện ký hợp đồng vượt quá phạm vi ủy quyền. Tùy từng trường hợp cụ thể mà hợp đồng có thể vô hiệu toàn bộ hoặc chỉ vô hiệu một phần.

Mặc dù BLDS năm 2015 có quy định cụ thể về việc cá nhân không có thẩm quyền đại diện và vượt quá phạm vi thẩm quyền đại diện khi tham gia ký kết hợp đồng giao dịch dân sự tại Điều 142 và Điều 143. Theo đó thì “...người đại diện phải thực hiện nghĩa vụ đối với người đã giao dịch với mình về phần giao dịch vượt quá phạm vi đại diện, trừ trường hợp người đã giao dịch biết hoặc phải biết về việc vượt quá phạm vi đại diện mà vẫn giao dịch” và giao dịch vượt quá phạm vi đại diện chỉ làm phát sinh nghĩa vụ của người được đại diện trong các trường hợp:

- Người được đại diện đã công nhận giao dịch;
- Người được đại diện biết mà không phản đối trong một thời hạn hợp lý;

- Người được đại diện có lỗi dẫn đến việc người đã giao dịch không biết hoặc không thể biết về việc người đã xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với mình không có quyền đại diện.

Ví dụ công ty A xác lập quan hệ hợp đồng với công ty B mà không biết hoặc không thể biết người đứng ra ký kết hợp đồng của công ty B không phải là người đại diện hợp pháp của công ty do lỗi của công ty B không thông báo cho công ty A thì hợp đồng vẫn có hiệu lực. Pháp luật bảo vệ quyền lợi của công ty B trong giao dịch này. Công ty A không được dùng lý do là hợp đồng không được ký bởi người đại diện hợp pháp của công ty để thoái thác trách nhiệm.

- Một số biểu hiện của việc doanh nghiệp biết mà không phản đối:

+ Doanh nghiệp được người ký kết hợp đồng báo cáo về việc hợp đồng được ký kết bằng văn bản hoặc trong cuộc họp ban giám đốc, hội đồng thành viên, hội đồng quản trị... mà không có ý kiến phản đối giao dịch;

+ Doanh nghiệp tham gia ký kết vào các văn bản tiếp theo của việc thực hiện giao dịch như công văn, tài liệu trao đổi, hóa đơn, chứng từ, biên bản thanh lý hợp đồng...

+ Doanh nghiệp sử dụng các tài sản, lợi nhuận có được từ việc thực hiện giao dịch như sử dụng ô tô, sử dụng trụ sở giao dịch có được từ hợp đồng mua bán ô tô, hợp đồng thuê trụ sở...

Pháp luật mới bổ sung các điều luật mới nhằm ràng buộc thêm trách nhiệm của công ty, tuy nhiên quyền của bên thứ ba ngay tình trong giao dịch với công ty vẫn còn chưa được bảo vệ thỏa đáng. Họ chỉ có thể yêu cầu bồi thường thực hiện hợp đồng do người đại diện không có thẩm quyền ký kết hoặc vượt quá phạm vi thẩm quyền đại diện nếu họ chứng minh được doanh nghiệp biết mà không phản đối hoặc doanh nghiệp đã công nhận giao dịch. Tuy

nhiên, trong thực tế bên thứ ba không dễ dàng thu thập chứng cứ như: Biên bản họp giao ban để chứng minh giao dịch đó đã được thông báo, hay chứng cứ về việc người đại diện theo pháp luật đã công nhận giao dịch... Khi một bên trong giao dịch muốn chối bỏ quyền và nghĩa vụ của giao dịch đã xác lập, thì sẽ làm mọi cách để những thông tin nội bộ này khó tiếp cận. Việc chứng minh thực sự là khó khi mà pháp luật vẫn chưa có quy định nhằm bảo vệ quyền của bên thứ ba. Gánh nặng chứng minh trong trường hợp này cũng thuộc về bên thứ ba. Chi phí giao dịch giữa công ty với bên thứ ba cũng tăng lên tương ứng do bên thứ ba phải có trách nhiệm tìm hiểu về thẩm quyền của người xác lập giao dịch với mình, nhằm tránh trường hợp hợp đồng vô hiệu do người ký không có thẩm quyền.

## **Kết luận Chương 2**

Kể từ khi Luật doanh nghiệp 2014 có hiệu lực thi hành vào ngày 01 tháng 07 năm 2015 thì môi trường kinh doanh đã được cải thiện rõ nét, pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp đã được đổi mới theo hướng tích cực, phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và đồng thời có những bước phát triển và biến đổi theo hướng phù hợp với các thông lệ quốc tế được thừa nhận. Các nhà quan tâm đã rất chú trọng vào phần người đại diện của doanh nghiệp, các quy phạm về người đại diện của Luật doanh nghiệp 2014 và Bộ luật dân sự 2015 đã có sự đồng bộ, thống nhất với nhau. Các quy định về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã tập trung cụ thể hóa quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ. Việc cho phép công ty TNHH và công ty cổ phần có nhiều người đại diện đã phần nào đáp ứng gián tiếp nhu cầu mở rộng phạm vi hoạt động của các doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập.

Nhìn chung, Luật doanh nghiệp 2014 đã có sự thay đổi mạnh mẽ, thiết thực, phù hợp về cả hình thức và nội dung.

Tuy vậy, xét về khía cạnh pháp lý và triển khai trên thực tế, pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp cũng đã bộc lộ không ít điểm chưa hợp lý, cụ thể là: (i) Trường hợp công ty TNHH và công ty cổ phần có nhiều người đại diện thì phạm vi thẩm quyền đại diện của những người này được ghi trong điều lệ vẫn chưa được quy định cụ thể; (ii) Chưa có quy định về việc công khai thông tin về phạm vi thẩm quyền người đại diện đối với các bên thứ ba; (iii) Trường hợp cá nhân không phải là người đại diện hoặc người đại diện vượt quá phạm vi thẩm quyền thay mặt doanh nghiệp thành lập giao dịch dân sự với bên thứ ba thì mới chỉ trách nhiệm của các bên chứ chưa có quy định cụ thể đảm bảo quyền lợi cho bên thứ ba.

## **CHƯƠNG 3**

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **3.1. Quan điểm hoàn thiện pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp**

Đường lối của Đảng luôn là kim chỉ nam định hướng cho mọi hoạt động của Nhà nước, các tổ chức kinh tế văn hóa xã hội và của toàn dân. Sự kịp thời thể chế hóa đường lối, chính sách đổi mới của Đảng là nhiệm vụ cũng là chìa khóa dẫn đến thành công trong công cuộc xây dựng, hoàn thiện pháp luật. Trong tình hình đất nước đang có sự chuyển mình mạnh mẽ như hiện nay hoàn thiện hệ thống pháp luật trong đó có pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách trong quá trình xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền. Luật doanh nghiệp năm 2014 đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp, đảm bảo quyền và lợi ích cho doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh. Tuy nhiên, Luật doanh nghiệp 2014 cũng đã bộc lộ những vướng mắc về vấn đề người đại diện trong việc hiện thực hóa trong đời sống. Việc hoàn thiện pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp là trên cơ sở quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng về xây dựng, hoàn thiện pháp luật trong thời kì mới, đồng thời phải đặt trong tổng thể hoàn thiện luật kinh tế nước nhà. Việc hoàn thiện pháp luật còn dựa trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước phải phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội, phong tục tập quán nước ta.

Luật kinh tế ở nước ta là một bộ phận của pháp luật về kinh tế và điều chỉnh các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình quản lý nhà nước về kinh tế và hoạt động kinh doanh trong xã hội. Ngành luật kinh tế bao gồm nhiều

luật khác nhau như : Luật doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Cạnh tranh,.. Những luật này đều có mối quan hệ tương hỗ, gắn bó chặt chẽ với nhau bởi tuy chúng được sinh ra để điều chỉnh các quan hệ xã hội khác nhau nhưng các quan hệ này đều phát sinh trên cùng một nền tảng kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, việc hoàn thiện một bộ phận trong hệ thống đó phải được đặt trong mối liên hệ với các bộ phận khác.

Pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp có đa số các quy định ở luật doanh nghiệp và một vài quy định ở các luật chuyên ngành khác. Khi có sự sửa đổi các quy phạm về người đại diện của doanh nghiệp thì đòi hỏi phải rà soát lại các quy định trong phạm vi Luật doanh nghiệp và những luật khác có liên quan để đảm bảo pháp luật luôn phải đầy đủ, đồng bộ, thống nhất với nhau, tránh tình trạng có lỗ hổng pháp luật, hay quy định chồng chéo, bất cập. Khi các Luật khác thay đổi nhất là có ảnh hưởng đến quy định về người đại diện của pháp luật thì cũng cần lưu ý đến việc sửa đổi cho phù hợp, mang tính khả thi cao và không gây xáo trộn quá nhiều đến những quy định đã ổn định lâu dài. Nói cách khác thì sự hoàn thiện ở đây cũng cần tính đồng bộ và bao trùm lên tất cả các ngành luật.

### **3.2. Quan điểm của các nước phát triển về bảo vệ quyền lợi bên thứ ba trong giao dịch dân sự**

Liên quan đến vấn đề bảo vệ quyền lợi của bên thứ ba trong giao dịch dân sự, pháp luật của một số nước theo thông luật mà đơn cử như pháp luật của Úc đã có các quy định cởi mở hơn nhằm tăng cường bảo vệ người thứ ba ngay tình trong giao dịch với công ty, đồng thời tạo ra sức ép để các công ty phải hoàn thiện cơ chế quản trị nội bộ.

- Theo luật công ty Úc, người thứ ba ngay tình có quyền suy đoán (statutory assumptions) về “thẩm quyền đương nhiên” (apparent authority)

hoặc thẩm quyền mặc định (implied actual authority) của một đại diện công ty khi thực hiện các giao dịch với người đại diện. Nghĩa là về nguyên tắc, hợp đồng do người đại diện ký vượt quá phạm vi thẩm quyền đại diện (defective contracts) vẫn có hiệu lực, trừ khi công ty (người được đại diện) có thể chứng minh rằng người thứ ba không ngay tình. Câu chuyện vượt quá thẩm quyền đại diện chỉ là câu chuyện của hai bên - bên đại diện và bên được đại diện - chứ không phải gánh nặng của bên thứ ba - người có giao dịch với công ty thông qua người đại diện.

- Nguyên tắc “việc trong nhà” (indoor management rule) và quyền suy đoán dựa trên luật pháp (statutory assumptions)

+ Pháp luật công ty của Úc cho phép người thứ ba ngay tình được giả định rằng người đại diện công ty ký kết hợp đồng là người được bổ nhiệm hợp pháp, giao dịch đó đã được ban giám đốc công ty thông qua (nếu đó là loại giao dịch yêu cầu phải có sự thông qua của ban giám đốc) và các thủ tục nội bộ của công ty liên quan đến giao dịch đã được thực hiện đầy đủ.

Ví dụ như nếu người thứ ba là công ty cung ứng B giao kết hợp đồng với C là thư ký công ty A về việc cung ứng giấy in cho văn phòng công ty A. Theo thông lệ trên thị trường, những giao dịch này thuộc thẩm quyền của thư ký công ty. Tuy nhiên theo quy định nội bộ của công ty A, những giao dịch có giá trị trên 5.000 đô la Úc thì phải được ban giám đốc phê duyệt. Tuy nhiên, công ty B không có trách nhiệm và cũng không có khả năng biết được về giới hạn thẩm quyền này của người thư ký công ty. Vì thế nếu có giao dịch, công ty B có quyền dựa vào nguyên tắc indoor management rule (tạm dịch là “việc trong nhà”) để yêu cầu công ty A phải thực thi trách nhiệm thanh toán vì việc họ bổ nhiệm C là thư ký công ty đã hàm ý rằng anh hoặc cô này có thẩm

quyền mặc định (implied actual authority) để thực hiện các giao dịch mà các thư ký công ty khác vẫn thường thực hiện.

Tuy nhiên lưu ý rằng bên thứ ba chỉ có thể viện dẫn tới quy định này nếu họ ngay tình, tức là họ thực sự không biết hoặc không được biết một lý do nào để nghi ngờ về thẩm quyền của người C. Luật công ty Úc đã đưa nguyên tắc suy đoán này vào luật tại các điều 128 và 129 Luật Công ty 2001 và gọi là statutory assumptions.

Thậm chí bên thứ ba ngay tình được phép suy đoán về thẩm quyền đương nhiên (nghĩa là có quyền yêu cầu công ty phải thực hiện hợp đồng) kể cả khi người đại diện công ty cố tình làm giả mạo các giấy tờ, tài liệu để chứng minh họ là người có thẩm quyền ký kết hợp đồng với bên thứ ba. Lợi ích của quy định về quyền suy đoán của bên thứ ba trong giao dịch vi phạm thẩm quyền ký kết [22].

- Với quy định này, các công ty trên thị trường có thể được hưởng ít nhất ba lợi ích:

+ Thứ nhất, với tư cách là bên thứ ba ngay tình, lợi ích của họ được bảo vệ tối đa. Các công ty có người đại diện giao kết hợp đồng vượt quá thẩm quyền sẽ rất khó có khả năng thoái thác trách nhiệm nếu cơ chế quản trị nội bộ của họ lỏng lẻo dẫn tới các giao dịch được ký vi phạm hoặc vượt quá thẩm quyền. Điều này có thể giúp tránh được rất nhiều tranh chấp hợp đồng giữa các bên.

+ Thứ hai, với quy định này, tất cả công ty trên thị trường phải tự giác hoàn thiện quy chế quản trị nội bộ trong công ty mình, để hạn chế đến mức tối đa các hành vi vượt quá thẩm quyền, hoặc tạo cơ chế để nhanh chóng phát hiện các hành vi này, hoặc để thông tin kịp thời đến các đối tác khi các giao dịch vượt quá thẩm quyền có nguy cơ xảy ra.

+ Thứ ba, tất cả công ty sẽ tránh được một trách nhiệm vô cùng phiền toái là phải tìm hiểu về thẩm quyền kí kết hợp đồng của người giao kết hợp đồng với mình. Câu chuyện kiểm soát lạm quyền trong mỗi công ty, sẽ là câu chuyện nội bộ của mỗi công ty thay vì trở thành gánh nặng của bên đối tác.

Cùng đồng quan điểm với Úc, pháp luật của Anh quy định vì lợi ích của mọi bên thứ ba giao dịch với một công ty một cách ngay tình, quyền hạn của các giám đốc (người đại diện) được nhân danh công ty (hoặc ủy quyền lại cho người khác hành động nhân danh công ty) được coi như không chịu bất cứ giới hạn nào theo các văn bản nội bộ của công ty [28, Điều 40]. Nói cách khác, một bên giao dịch với công ty không có nghĩa vụ phải tìm hiểu việc giới hạn thẩm quyền của người đại diện trong điều lệ và được coi là hành động ngay tình trừ khi công ty có thể chứng minh được điều ngược lại.

### **3.3. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật người đại diện của doanh nghiệp**

Để khắc phục những vấn đề bất cập đã nêu ở trên, tác giả xin đưa một số kiến nghị sau:

*Thứ nhất*, Trong quy định khái niệm về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ở khoản 1 Điều 13 LDN 2014 cần bổ sung thêm chức năng “xác lập” giao dịch là vai trò quan trọng của người đại diện theo pháp luật, cụ thể là “*Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật*”.

*Thứ hai*, Trong trường hợp doanh nghiệp có hơn một người đại diện theo pháp luật, thì pháp luật cần phải yêu cầu bắt buộc “*điều lệ phải ghi rõ phạm*

*vi phạm quyền đại diện của từng cá nhân cụ thể, không chung chung*”. Pháp luật cần yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu bắt buộc việc điều lệ phải có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, không thông qua việc thành lập doanh nghiệp nếu điều lệ không có quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp nhiều người đại diện theo pháp luật của một doanh nghiệp có phạm vi thẩm quyền như nhau, nếu đối với một giao dịch dân sự mà giữa các người đại diện theo pháp luật không đồng nhất quan điểm gây ảnh hưởng tới doanh nghiệp và bên thứ ba thì điều lệ doanh nghiệp cần thêm vai trò chính của một người đại diện theo pháp luật hơn các người khác trong trường hợp như vậy.

*Thứ ba, “thẩm quyền của từng người đại diện theo pháp luật phải được thông báo chi tiết với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn được xác định cụ thể kể từ ngày doanh nghiệp có quyết định cử người đại diện theo pháp luật*”. Nội dung này được cơ quan nhà nước công khai công bố theo hồ sơ đăng ký kinh doanh trên Cổng thông tin Đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Thực tế, hiện nay thông tin về doanh nghiệp đăng trên Cổng thông tin Đăng ký doanh nghiệp quốc gia có rất ít. Trường hợp công ty có nhiều người đại diện theo pháp luật thông tin được đăng chỉ có tên của người đại diện, mà không chi tiết cụ thể về thẩm quyền, chức vụ của từng người. Bởi vậy, mà quy định bắt buộc doanh nghiệp phải công khai thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật sẽ hạn chế tối đa rủi ro tranh chấp hợp đồng cho các doanh nghiệp, khi bên muốn giao dịch bị tuyên vô hiệu có thể tìm cách thay đổi thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật trong điều lệ.

*Thứ tư, cần xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp trong giao dịch với chủ thể khác: “Mọi quy định hạn chế của công ty về phân công thẩm quyền giữa những người đại diện theo pháp luật của mình đều không có hiệu*

*lực đối với bên thứ ba” hoặc cụ thể hơn: “Trường hợp người đại diện theo pháp luật xác lập giao dịch vượt ngoài thẩm quyền đại diện được phân công theo quy định của công ty với bên thứ ba, thì giao dịch đó vẫn có giá trị đối với doanh nghiệp được đại diện, người đại diện sẽ chịu trách nhiệm trực tiếp với doanh nghiệp, trừ trường hợp, bên thứ ba biết hoặc phải biết người đại diện đó không có thẩm quyền xác lập giao dịch với mình” [26, mục 1.1].*

### **3.4. Một số giải pháp tăng cường hiệu quả thực hiện pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp**

*Thứ nhất*, cơ quan đăng ký kinh doanh cần yêu cầu các doanh nghiệp khi đăng ký doanh nghiệp trong điều lệ cần phải có các thông tin cụ thể về số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Hiện nay, trong các điều lệ của doanh nghiệp Việt Nam chỉ mới có ghi chức danh quản lý của người đại diện theo pháp luật mà chưa ghi cụ thể quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật.

*Thứ hai*, về phía doanh nghiệp: Doanh nghiệp cần có cơ chế công khai về sự phân định thẩm quyền đại diện giữa những người đại diện theo pháp luật như công bố trên trang website chính thức, Cổng thông tin Đăng ký doanh nghiệp quốc gia, website riêng của doanh nghiệp hoặc các hình thức khác nhằm giúp bên thứ ba tiếp nhận thông tin. Bên cạnh đó, việc phân định thẩm quyền được xác định theo hướng phân công theo chức năng, nhiệm vụ, không quy định theo hướng liệt kê nhằm tránh tình trạng chồng chéo, thậm chí là phạm vi đại diện không bao quát được hết thẩm quyền của người đại diện. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật thì có thể phân định phạm vi đại diện theo giá trị hợp đồng, ví dụ: Hợp đồng dưới 5 tỷ thì người đại diện A có trách nhiệm ký, hợp đồng trên 5 tỷ thì thẩm quyền ký thuộc về người đại diện B; hoặc trường hợp doanh nghiệp có nhiều khu vực hoạt động kinh doanh thì để cho mỗi người đại diện theo pháp luật có

phạm vi thẩm quyền đại diện trong một khu vực nhất định; hoặc theo loại hợp đồng giao dịch, ví dụ một doanh nghiệp có tham gia nhiều kinh doanh ở nhiều ngành nghề khác nhau thì quy định mỗi người đại diện theo pháp luật chỉ có phạm vi thẩm quyền đại diện trong một ngành nghề cụ thể mà doanh nghiệp kinh doanh.

*Thứ ba,* Đối với bên thứ ba, khi giao kết hợp đồng với các doanh nghiệp khác, trong trường hợp doanh nghiệp đó có nhiều người đại diện theo pháp luật cần kiểm tra kỹ và đối chiếu với điều lệ doanh nghiệp đó để xác minh chính xác chính xác người ký kết hợp đồng có thẩm quyền hay không để tránh cho hợp đồng không bị vô hiệu do người ký không đúng thẩm quyền. Cụ thể, phải kiểm tra thông tin tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, điều lệ công ty để xác định người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

Trường hợp người ký kết là đại diện theo pháp luật thì cũng phải kiểm tra xem hợp đồng có thuộc trường hợp phải có sự thông qua của Hội đồng thành viên (đối với công ty TNHH), Đại hội đồng cổ đông hay Hội đồng quản trị (đối với công ty CP) hay không, nếu thuộc trường hợp này thì bắt buộc phải có quyết định hoặc thông qua của Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thì người đại diện theo pháp luật mới đủ thẩm quyền ký kết hợp đồng;

Trường hợp họ không phải là đại diện theo pháp luật thì phải có ủy quyền hợp pháp của người có thẩm quyền. Phải kiểm tra phạm vi, thời hạn, nội dung ủy quyền để xác định chính xác thẩm quyền của người ký kết, tránh trường hợp ký vượt quá phạm vi ủy quyền.

### **Kết luận chương 3**

Hoàn thiện pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp luôn là yêu cầu chính đáng, cấp thiết. Sự hoàn thiện của pháp luật ảnh hưởng trực tiếp đến các

mối quan hệ xã hội mà pháp luật điều chỉnh và hơn thế nữa là hướng tới một trật tự xã hội cao hơn. Vấn đề này xuất phát từ nhiều quan điểm khác nhau nhưng quan trọng nhất vẫn là chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, khi hoàn thiện pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp cũng cần chú ý đến sự phù hợp với các luật chuyên ngành, tương đồng với luật quốc tế và có khả năng thực thi cao trong thực tiễn.

Phương hướng hoàn thiện pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp đóng vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng các quy định pháp luật đối với doanh nghiệp. Trên thực tế, pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp dù đã được sửa đổi nhưng vẫn phải có những định hướng hoàn thiện hơn nữa. Các mối quan hệ trong xã hội luôn vận động phát triển không ngừng nhất là các quan hệ kinh tế đòi hỏi pháp luật cũng phải thay đổi để phù hợp với nhu cầu cuộc sống. Tuy nhiên sự thay đổi của pháp luật không thể mang tính liên tục mà phải là sự thay đổi tích cực, hiệu quả áp dụng lâu dài và bám sát định hướng đã được đặt ra.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, Chương 3 của Luận văn đã đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về người đại diện ở nước ta hiện nay.

## KẾT LUẬN

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và xu hướng toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới, các DN Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội cũng như thách thức. Các doanh nghiệp kinh doanh đa dạng trên nhiều lĩnh vực khác nhau, trên nhiều vùng địa lý khác nhau đòi hỏi phải có một chế định người đại diện của doanh nghiệp thông thoáng tạo điều kiện tốt nhất đảm bảo quyền và lợi ích cho doanh nghiệp. Hơn bất kỳ Bộ luật hay luật có liên quan nào khác, Luật doanh nghiệp phải quy định cụ thể bao quát được tất cả các vấn đề liên quan đến người đại diện theo pháp luật. Việc quy định cụ thể khái niệm người đại diện theo pháp luật cũng như giao quyền quyết định số lượng, chức danh quản lý của người đại diện theo pháp luật cho doanh nghiệp đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng phạm vi kinh doanh trong nước cũng như nước ngoài. Nếu như trước đây việc chỉ có được một người đại diện theo pháp luật và cũng chỉ giới hạn trong một số chức vụ quản lý trong doanh nghiệp thì giờ đây doanh nghiệp đã được tự do trong việc chọn lựa người đại diện theo pháp luật phù hợp với cách thức kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Điều này đặc biệt quan trọng đối với những doanh nghiệp kinh doanh trên phạm vi địa lý rộng lớn ở trong nước lẫn nước ngoài. Việc có nhiều người đại diện theo pháp luật giúp giảm bớt các thủ tục pháp lý của doanh nghiệp khi chỉ có một người đại diện mà người đó vắng mặt khỏi Việt Nam trong thời gian dài.

Cùng với việc giao cho doanh nghiệp (bao gồm công ty TNHH và công ty CP) tự quản quyết định số lượng, chức danh quản lý người đại diện theo pháp luật thì cũng phải đặt ra vấn đề công khai minh bạch thông tin về phạm vi thẩm quyền đại diện của những người đại diện đối với các bên có liên quan. Việc nâng cao tầm quan trọng ý nghĩa của người đại diện theo pháp luật đối với doanh nghiệp và các bên thứ ba giúp các doanh nghiệp tránh được các rủi ro phát sinh khi xác lập, thực hiện hợp đồng giao dịch. Cơ quan đăng ký kinh

doanh, đội ngũ cán bộ chuyên trách, cộng đồng doanh nghiệp và những chủ thể khác có liên quan đều phải trang bị cho mình kiến thức pháp luật, nâng cao trình độ năng lực chuyên môn, hiểu rõ hiểu đúng về tinh thần của pháp luật, phối hợp cùng nhau làm việc, tăng cường công nghệ thông tin và thực hiện đúng theo chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về hoàn thiện Luật doanh nghiệp 2014, luật chuyên ngành nói chung và pháp luật về người đại diện của doanh nghiệp nói riêng.

Trong thời gian tới đây mong rằng các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cộng đồng doanh nghiệp sẽ cùng nhau thực thi thật tốt Luật doanh nghiệp 2014, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn kịp thời những vấn đề còn vướng mắc, cùng nhau tìm ra những tồn tại, thảo luận, đóng góp ý kiến làm tư liệu, đưa ra nhiều phương hướng, sáng kiến, giải pháp nhằm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút nhiều nguồn lực, thúc đẩy kinh tế phát triển mạnh mẽ làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thị Lan Anh, *Quy định mới của Luật doanh nghiệp năm 2014 về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp*, Tạp chí Luật học, Số 4/2016.
2. Vũ Thị Lan Anh, *Pháp luật Singapore về các hình thức tổ chức kinh doanh*, Tạp chí Luật học, Số 12/2009.
3. Bộ kế hoạch & đầu tư (2015), *Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp*, Hà Nội.
4. Chính phủ (2015), *Nghị định số 96/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của luật doanh nghiệp*, Hà Nội.
5. Bùi Đức Giang, *Hành lang pháp lý mới về người đại diện theo pháp luật của Luật doanh nghiệp 2014*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 6/2015.
6. Ngô Gia Hoàng, *Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp năm 2014 dưới góc độ quyền tự do kinh doanh*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 7/2016.
7. PGS.TS. Nguyễn Như Phát, ThS. Nguyễn Thu Dung, *Thế chế pháp luật kinh tế Úc*, *Thế chế pháp luật kinh tế một số quốc gia trên thế giới*, Ủy ban kinh tế của Quốc hội, Nxb. Tài chính, Hà Nội, 2016.
8. Quốc hội (2005), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội.
9. Quốc hội (2015), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội.
10. Quốc hội (2005), *Luật doanh nghiệp*, Hà Nội.
11. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp*, Hà Nội.
12. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng dân sự*, Hà Nội.
13. Quốc hội (2005), *Luật thương mại*, Hà Nội.

14. PGS.TS. Lê Thị Thu Thủy, NCS. Đỗ Minh Tuấn, *Thế chế pháp luật kinh tế Hợp chủng quốc Hoa Kỳ*, Thế chế pháp luật kinh tế một số quốc gia trên thế giới, Ủy ban kinh tế của Quốc hội, Nxb. Tài chính, Hà Nội, 2016.
15. Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia  
<https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vi-vn/publicservices.aspx>, truy cập ngày 18/3/2017
16. *Điều lệ Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh địa ốc Hòa Bình thông qua chính thức ngày 27 tháng 4 năm 2016*  
<http://hbcr.vn/site/index.php?route=module/policy>, truy cập ngày 20/03/2017
17. *Điều lệ công ty cổ phần container miền Trung*  
<http://www.viconshipdanang.com/thong-tin-co-dong/dieu-le-cong-ty-co-phan-container-mien-trung>, truy cập ngày 20/3/2017
18. *Điều lệ công ty cổ phần hàng tiêu dùng Masan*  
<https://www.masanconsumer.com/shareholder-regulations/dieu-le-cong-ty-co-phan-hang-tieu-dung-masan-ngay-26-4-2016>, truy cập ngày 20/03/2017
19. Bùi Đức Giang, *Cơ chế ủy quyền theo Bộ luật dân sự mới*  
<http://www.thesaigontimes.vn/141061/Co-che-uy-quyen-theo-Bo-luat-Dan-su-moi.html>, truy cập ngày 15/3/2017
20. *Những quy định của pháp luật hiện hành về bên đại diện là tổ chức*  
<https://phamlaw.com/nhung-quy-dinh-cua-phap-luat-hien-hanh-ve-ben-dai-dien-la-to-chuc.html>, truy cập ngày 25/3/2017
21. Trần Đức Phương, *Tránh rắc rối khi doanh nghiệp có nhiều người đại diện*

<http://thuonggiaonline.vn/tranh-rac-roi-khi-doanh-nghiep-co-nhieu-nguoi-dai-dien-3017.htm>, truy cập ngày 20/02/2017

22. Quách Thị Quỳnh – Nguyễn Thị Vân Anh, *Lại chuyện hợp đồng vô hiệu do vi phạm thẩm quyền*

<http://www.thesaigontimes.vn/148793/Lai-chuyen-hop-dong-vo-hieu-do-vi-pham-tham-quyen.html>, truy cập ngày 20/3/2017

23. Phan Thị Sánh, *Hợp đồng vô hiệu do người ký không đúng thẩm quyền - trách nhiệm thuộc về ai?*

<http://vietthink.vn/116/print-article.html>, truy cập ngày 20/3/2017

24. Bùi Sưởng, *Nhiều người đại diện theo pháp luật: Cần, song vẫn vương...*

<http://tinnhanhchungkhoan.vn/phap-luat/nhieu-nguoi-dai-dien-theo-phap-luat-can-song-van-vuong-155815.html>, truy cập ngày 10/02/2017

25. Nguyễn Thị Thanh, *Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp*

<http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=147>, truy cập ngày 15/01/2017

26. Nguyễn Thị Tình, *Một số ý kiến về quy định “Người đại diện theo pháp luật” và “con dấu” trong dự thảo Luật doanh nghiệp*

<https://dangkykinhdoanh.gov.vn/NewsandUpdates/tabid/91/ArticleID/886/Mot-so-y-kiem-ve-quy-dinh-nguoi-dai-dien-theo-phap-luat-va-con-dau-trong-Du-thao-Luat-Doanh-nghiep.aspx>, truy cập ngày 15/3/2017

27. Hoàng Thanh Tuấn, *Luật doanh nghiệp năm 2014 – Tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp trong toàn bộ quá trình thành lập, hoạt động*

<https://dangkykinhdoanh.gov.vn/NewsandUpdates/tabid/91/ArticleID/1804/Luat-doanh-nghiep-nam-2014-Tao-thuan-loi-toi-da-cho-doanh-nghiep-trong-toan-bo-quá-trình-thành-lập-hoạt-động.aspx>, truy cập ngày 15/02/2017

#### TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI

28. *Companies Act 2006*, United Kingdom.